

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

1. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hướng dẫn hiện hành để thực thi các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Ngày 21/12/2022, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty được tổ chức tại số 8 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Đại hội đã chấp thuận việc miễn nhiệm thành viên hội đồng quản trị độc lập đối với ông Vũ Đình Đông và bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập đối với ông Vương Hoàng Thăng.

Hội đồng quản trị Công ty hiện tại gồm 05 thành viên:

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| - Ông Vũ Đức Tiến | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Phạm Văn Hiệp | Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Minh Tuấn | Ủy viên HĐQT |
| - Ông Vương Hoàng Thăng | Ủy viên HĐQT độc lập |
| - Ông Trần Văn Long | Ủy viên HĐQT |

2. Công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT

- Hội đồng quản trị hoạt động đúng chức trách, nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế của Công ty để thực hiện các công việc được ĐHĐCĐ giao trên tinh thần trách nhiệm, trung thực và dân chủ; đảm bảo tính minh bạch, quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Năm 2022, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp và xin ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản, ban hành tổng số 69 Nghị quyết, Quyết định để triển khai thực hiện (*Chi tiết các NQ, QĐ của HĐQT năm 2022 theo phụ lục đính kèm*).

HQĐT gồm 05 thành viên, trong đó 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty thông qua việc:

- Chủ trì, đồng chủ trì tham gia các cuộc họp quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức nhân sự... của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trao đổi, làm rõ, yêu cầu giải trình đối với Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đồng thời phân cấp, phân định trách nhiệm rõ ràng giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phù hợp với các quy định hiện hành.

- Khi tiếp nhận các Biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát Công ty, HĐQT đã nghiên cứu và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và có phương án khắc phục kịp thời.

- Xem xét và xử lý các báo cáo, đánh giá, đề xuất, kiến nghị của Ban Tổng giám đốc về hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên.

3. Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động kinh doanh năm 2022

Năm 2022, tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều biến động xấu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty và các doanh nghiệp Việt Nam. Tổng doanh thu cả năm là 1.116,59 tỷ đồng, đạt 93% KH, lợi nhuận trước thuế cả năm là 42,62 tỷ đồng, đạt 71% KH, lợi nhuận sau thuế là 41,35 tỷ đạt 70% KH.

Kết quả kinh doanh trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau: Doanh thu, lợi nhuận lĩnh vực thương mại giảm do Công ty tập trung vào mảng thương mại kỹ thuật có lợi nhuận cao, đảm bảo an toàn vốn và hạn chế thực hiện các phương án kinh doanh thương mại tỷ suất lợi nhuận thấp. Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty bị ảnh hưởng bởi tác động của sự gia tăng tỷ giá USD/VND và chi phí vận chuyển, kho bãi tăng cao. Hoạt động xuất khẩu nông sản và các hàng hóa khác dự kiến năm 2023 mới triển khai được do đang trong giai đoạn nghiên cứu, đánh giá tiềm năng và tiếp cận các khách hàng tại thị trường quốc tế. Các dự án đầu tư của Công ty vẫn đang ở bước đầu hình thành, chưa ghi nhận được doanh thu, lợi nhuận.

- Công ty đã mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực đầu tư xử lý rác thải với việc thành lập đơn vị Công ty cổ phần Machino Thành Đạt (PVMACHINO nắm phần vốn chi phối 51%). Đơn vị đang triển khai phát triển hệ thống nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ xử lý không chôn lấp. Nhận thấy lĩnh vực này đang được các cấp chính quyền quan tâm, hỗ trợ, mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội.

- Hoạt động kinh doanh thương mại được chú trọng đẩy mạnh với việc thành lập thêm phòng chức năng: Phòng thương mại Công ty nhằm thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa với thị trường quốc tế và nghiên cứu xây dựng hệ thống đại lý phân phối thiết bị của các hãng uy tín; thành lập Ban quản lý dự

án Công ty để nghiên cứu và triển khai thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.

- Công tác tái cấu trúc Công ty: Công ty đang tiến hành rà soát, đánh giá các khoản đầu tư góp vốn tại các đơn vị liên doanh, liên kết để xây dựng phương án tái cấu trúc, nâng cao hiệu quả hoạt động. Trong đó đã thực hiện các thủ tục giải thể 02 đơn vị Công ty TNHH Máy-Thiết bị Dầu khí Sài Gòn và Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế.

Sau khi có chủ trương chấp thuận của ĐHĐCĐ bất thường năm 2022, để chuẩn bị nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và các dự án đầu tư sắp tới, Công ty đang triển khai thực hiện các thủ tục chuyển nhượng phần vốn tại 02 đơn vị liên doanh là Công ty TNHH FCC VN, Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki.

- Công tác tài chính: Năm 2022, Công ty đã tiết giảm tối đa chi phí hoạt động, tổng chi phí năm 2022 thực hiện giảm bằng 70% so với kế hoạch. Xử lý và thu hồi vốn từ việc chuyển nhượng một số tài sản thu hồi công nợ; đảm bảo đủ nguồn vốn và hạn mức tín dụng cho các hoạt động kinh doanh.

4. Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2022

Hội đồng quản trị xin báo cáo việc thực hiện các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm ngày 21/12/2022 như sau:

3.1. Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết về việc ĐHĐCĐ thông qua chủ trương đầu tư, tham gia đấu thầu các dự án đầu tư trong lĩnh vực bất động sản (chung cư, đất ở, thương mại dịch vụ, khu/cụm công nghiệp...), năng lượng tái tạo tại các địa phương: Hà Nội, Lạng Sơn, Thái Bình, Khánh Hòa, Phú Thọ, Quảng Trị.

Công ty đã xây dựng một danh mục đầu tư dự án chia ra làm 5 nhóm gồm: 1) Bất động sản - Đất nền, 2) Bất động sản - Thương mại dịch vụ, 3) Bất động sản - Chung cư, 4) Bất động sản - Cụm/Khu Công nghiệp và 5) Năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời...). Hợp tác đầu tư với các đối tác có năng lực như Công ty cổ phần Licogi 13, Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holding... Dự kiến năm 2023 sẽ triển khai một số dự án Bất động sản - Đất nền tại Thái Bình, Khu/Cụm công nghiệp tại Hưng Yên, Lạng Sơn và một số dự án khác.

3.2. Khoản 3, Điều 3 Nghị quyết về việc ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư tại một số đơn vị có vốn góp và các khoản đầu tư tài chính khác để bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Sau khi rà soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị có phần vốn góp trong giai đoạn 2019-2022 và xét đến điều kiện chuyển nhượng vốn có tính khả thi. Với nhu cầu vốn của Công ty để triển khai các dự án đầu tư trong thời gian tới rất lớn. Ngày 23/12/2022, HĐQT Công ty đã thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại hai đơn vị liên doanh Công ty TNHH FCC Việt Nam (FCC VN) và Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki (VNS)

tại Nghị quyết số 0149/NQ/MTB-HĐQT và Nghị quyết số 0150/NQ/MTB-HĐQT.

Công ty đã thuê đơn vị tư vấn pháp lý làm việc với 02 đơn vị để đánh giá số liệu SXKD và lập phương án thoái vốn. Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại VNS với đơn vị nhận chuyển nhượng (Công ty TNHH Nippon Seiki) và đang hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng vốn trên. Đối với phần vốn tại đơn vị FCC VN, Công ty và đơn vị tư vấn đang tiếp tục làm việc với đơn vị và bên nhận chuyển nhượng (Công ty TNHH FCC) để đi đến việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng.

Các nội dung khác tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/12/2022, HĐQT đang tiếp tục bám sát để triển khai khi có đủ điều kiện và tính khả thi.

Kiến nghị: HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ chấp thuận việc HĐQT tiếp tục triển khai các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/12/2022 trong năm 2023. HĐQT báo cáo việc thực hiện các nội dung tại ĐHĐCĐ gần nhất theo thẩm quyền quy định.

5. Tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị năm 2022:

- Thành viên HĐQT chuyên trách chỉ trả tiền lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 636.186.490 đồng.

- Thù lao Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 663.515.151 đồng.

6. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị. Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Không có.

7. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị

Bên cạnh trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tại Quyết định số 0163/QĐ/MTB-HĐQT ngày 05/11/2021. Trong năm 2022, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Ông Vũ Đức Tiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Đức Tiến đã chủ trì các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, định hướng đúng đắn nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Công ty.

- Ông Phạm Văn Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Phạm Văn Hiệp đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT nhanh chóng kịp thời; sát sao trong quản lý điều hành; đưa ra những biện pháp, giải quyết công việc kịp thời, hiệu quả; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022.

- Ông Nguyễn Minh Tuấn - Ủy viên chuyên trách Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Minh Tuấn đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; tham mưu kịp thời lĩnh vực phân công phụ trách, công tác quản trị Công ty; đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng định hướng chiến lược phát triển Công ty.

- Ông Trần Văn Long – Ủy viên Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Trần Văn Long đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, hỗ trợ Công ty nghiên cứu cơ hội hợp tác đầu tư trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản,...

- Ông Vũ Đình Đông - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập (miễn nhiệm từ ngày 12/10/2022)

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Đình Đông đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp hỗ trợ Công ty nghiên cứu, lập cơ sở dữ liệu, đánh giá và dự báo thị trường, cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh và đại lý phân phối thiết bị điện...

- Ông Vương Hoàng Thăng - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập (bầu bổ sung từ ngày 21/12/2022)

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vương Hoàng Thăng đã cho ý kiến, đưa ra những giải pháp hỗ trợ Công ty đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả.

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023.

Năm 2023, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch Doanh thu 1.500 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 65 tỷ đồng. Để hoàn thành kế hoạch trên, Hội đồng quản trị có phương hướng nhiệm vụ sau:

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, rà soát kế hoạch tái cấu trúc các đơn vị có vốn góp của Công ty;

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả, minh bạch; thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Công ty;

- Tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, cung cấp vật tư, thiết bị cho các dự án, công trình trong và ngoài ngành Dầu khí, các dự án của Tập đoàn T&T và các đơn vị khác. Xây dựng hệ thống đại lý phân phối sản phẩm cho các hãng có uy tín trong lĩnh vực vật tư, thiết bị, đặc biệt là vật tư, thiết bị ngành điện;

- Hợp tác đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, đất công nghiệp, các dự án nhà máy xử lý rác thải và nước sinh hoạt, dự án điện gió và năng lượng tái tạo... nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty;

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, tập trung xử lý, thu hồi công nợ. Cơ cấu bố trí nguồn vốn phù hợp với kế hoạch, sự phát triển của Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát toàn Công ty trên cơ sở kế hoạch, tiến độ thực hiện theo từng tháng/quý/năm và nhiệm vụ đã được ĐHCĐ/HĐQT Công ty thông qua.

- Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản trị, nghiệp vụ chuyên môn đối với cán bộ nhân viên Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu công việc ngày một cao hơn., có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực đáp ứng yêu cầu công việc;

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Vũ Đức Tiến

PHỤ LỤC: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	0004/NQ/MTB-HĐQT	08/01/2022	Chấp thuận chủ trương liên danh đấu thầu Dự án phát triển khu nhà ở thương mại tại phường Tiền Phong và xã Phú Xuân, tỉnh Thái Bình
2	0007/NQ/MTB-HĐQT	14/01/2022	Thông qua việc xử lý nợ phải thu, nợ phải trả
3	0012/NQ/MTB-HĐQT	24/02/2022	Chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PVMACHINO
4	0013/QĐ/MTB-HĐQT	24/02/2022	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
5	0014/QĐ/MTB-HĐQT	24/02/2022	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
6	0016/QĐ/MTB-HĐQT	24/02/2022	Thông qua kết quả bán đấu giá tài sản
7	0019/NQ/MTB-HĐQT	09/3/2022	Chấp thuận chủ trương hợp tác đầu tư với Công ty CP Thương mại Thành Đạt
8	0023/NQ/MTB-HĐQT	16/3/2022	Thông qua các nội dung đề Người đại diện phần vốn biểu quyết tại cuộc họp HĐQTV năm 2022 của Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki
9	0024/NQ/MTB-HĐQT	24/3/2022	Các nội dung thông qua:
			- Kết quả SXKD năm 2021
			- Kế hoạch kinh doanh năm 2022
			- Giải thể Công ty TNHH MTV Máy – Thiết bị Dầu khí Sài Gòn
			- Chấm dứt hoạt động của Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty - Chấm dứt HĐLĐ ông Lê Ngọc Dũng – Phó Tổng giám đốc Công ty - Thành lập phòng Thương mại Công ty - Nghiên cứu hợp tác đầu tư dự án Nhà máy Điện gió tại Quảng Trị - Nghiên cứu hợp tác đầu tư, cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội
10	0025/NQ/MTB-HĐQT	25/3/2022	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PVMACHINO
11	0026/QĐ/MTB-HĐQT	25/3/2022	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PVMACHINO
12	0033/QĐ/MTB-HĐQT	29/3/2022	Thành lập phòng Thương mại Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí
13	0034/QĐ/MTB-HĐQT	31/3/2022	Giải thể Công ty TNHH MTV Máy – Thiết bị Dầu khí Sài Gòn
14	0035/QĐ/MTB-HĐQT	31/3/2022	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế
15	0040/NQ/MTB-HĐQT	14/4/2022	Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty
16	0043/NQ/MTB-HĐQT	20/4/2022	Thông qua các nội dung biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2022 tại Công ty CP Máy-TBĐK Đà Nẵng
17	0045/QĐ/MTB-HĐQT	29/4/2022	Ông Lê Ngọc Dũng thôi giữ chức Phó TGD của PVMACHINO
18	0049/QĐ/MTB-HĐQT	06/5/2022	Chi trả tiền thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát Công ty

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
19	0051/QĐ/MTB-HĐQT	11/5/2022	Thông qua kết quả bán đấu giá tài sản
20	0061/NQ/MTB-HĐQT	01/6/2022	Chủ trương tham gia đầu tư dự án khu đô thị mới Đông Kinh, Lạng Sơn
21	0065/NQ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Thông qua Quy chế, quy định nội bộ Công ty
22	0066/QĐ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Ban hành sửa đổi Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc
23	0067/QĐ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Ban hành sửa đổi Quy chế tiền lương, tiền thưởng Công ty
24	0068/QĐ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Ban hành sửa đổi Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chức năng Công ty
25	0069/QĐ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Ban hành sửa đổi Quy trình Công bố thông tin Công ty
26	0070/NQ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Thông qua nội dung quy chế quản lý kinh doanh của PVMACHINO
27	0071/QĐ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Ban hành sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý kinh doanh của PVMACHINO
28	0072/NQ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định nội bộ của PVMACHINO
29	0073/QĐ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Ban hành sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý tổ chức và cán bộ của PVMACHINO
30	0074/QĐ/MTB-HĐQT	02/6/2022	Ban hành sửa đổi, bổ sung quy chế phối hợp làm việc giữa Đảng uỷ, HĐQT và TGD
31	0079/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022
32	0080/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại BIDV-Chi nhánh Hai Bà Trưng
33	0081/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Vietinbank-Chi nhánh Hai Bà Trưng

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
34	0082/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Vietcombank-Chi nhánh Thành Công
35	0083/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại SHB
36	0084/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại VPB-Chi nhánh Thăng Long
37	0085/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại MB Bank
38	0086/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Techcombank
39	0087/NQ/MTB-HĐQT	21/6/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại An Bình Bank
40	0090/NQ/MTB-HĐQT	23/6/2022	Thông qua các nội dung biểu quyết tại cuộc họp HĐQT thường niên năm 2022 của Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội
41	0094/NQ/MTB-HĐQT	07/7/2022	Thông qua các nội dung biểu quyết tại cuộc họp HĐQT thường niên năm 2022 của Công ty TNHH FCC Việt Nam
42	0096/QĐ/MTB-HĐQT	12/7/2022	Thành lập Hội đồng lương Công ty
43	0100/NQ/MTB-HĐQT	17/8/2022	Thông qua các nội dung sau:
			- Kết quả KD Quý II và 6 tháng đầu năm 2022
			- KH KD Quý III và 6 tháng cuối năm 2022
			- TGD xây dựng phương án khắc phục, giải quyết những kiến nghị của BKS
			- Chuyển đổi mức lương cho cán bộ thuộc thẩm quyền
44-49	0101 - 0106/QĐ/MTB-HĐQT	17/8/2022	Xếp lương cán bộ quản lý

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
50	0108/NQ/MTB-HĐQT	30/8/2022	Phương án chi trả cổ tức 2021
51	0109/NQ/MTB-HĐQT	08/9/2022	Góp vốn thành lập công ty cổ phần
52	0111/QĐ/MTB-HĐQT	09/9/2022	Góp vốn thành lập Cty CP Machino Thành Đạt và cử Người đại diện quản lý phần vốn
53	0112/NQ/MTB-HĐQT	09/9/2022	Phương án thanh toán nợ phải trả Ngân hàng PVCombank
54	0115/NQ/MTB-HĐQT	23/9/2022	Chủ trương hợp tác liên danh đầu tư với Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings (PHC)
55	0119/NQ/MTB-HĐQT	11/10/2022	Chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2022
56	0120/QĐ/MTB-HĐQT	11/10/2022	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2022
57	0121/QĐ/MTB-HĐQT	11/10/2022	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ bất thường 2022
58	0124/NQ/MTB-HĐQT	17/10/2022	Tham gia liên danh đấu thầu CĐT dự án
59	0128/NQ/MTB-HĐQT	28/10/2022	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN Hoàn Kiếm
60	0130/NQ/MTB-HĐQT	28/10/2022	Thành lập Ban quản lý các dự án của PVMACHINO và tiếp nhận, tái cơ cấu lại Ban QLDA Khu nhà ở Machino tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội
61	0131/QĐ/MTB-HĐQT	28/10/2022	Thành lập Ban quản lý các dự án của PVMACHINO
62	0132/QĐ/MTB-HĐQT	28/10/2022	Tiếp nhận và cơ cấu lại Ban quản lý dự án khu nhà ở Machino tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
63	0135/NQ/MTB-HĐQT	21/11/2022	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2022
64	0136/QĐ/MTB-HĐQT	21/11/2022	Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường 2022
65	0142/NQ/MTB-HĐQT	16/12/2022	Bổ sung nội dung tài liệu trình ĐHĐCĐ bất thường 2022
66	0147/NQ/MTB-HĐQT	21/12/2022	Thông qua các nội dung:
			- Kết quả KD Quý III và 9 tháng đầu năm 2022
			- Tình hình công nợ thời điểm 30/11/2022
			- TGD xây dựng phương án khắc phục, giải quyết những kiến nghị của BKS
			- Tình hình triển khai các dự án đầu tư
- Kế hoạch SXKD năm 2023			
67	0148/NQ/MTB-HĐQT	21/12/2022	Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án cải tạo, sửa chữa nhà B số 8 Tràng Thi, HN
68	0149/NQ/MTB-HĐQT	23/12/2022	Chủ trương thoái vốn tại Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki
69	0150/NQ/MTB-HĐQT	23/12/2022	Chủ trương thoái vốn tại Công ty TNHH FCC Việt Nam

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

I. Đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2022

Năm 2022, nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn tiếp tục có nhiều biến động và khó khăn. Với đội ngũ Ban lãnh đạo mới, Công ty đang nỗ lực duy trì và phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực thương mại, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh sang các ngành nghề kinh doanh mới như đầu tư bất động sản, xử lý rác thải, năng lượng tái tạo... Trước những khó khăn và thách thức mới, Ban lãnh đạo Công ty đã tích cực đôn đốc, chỉ đạo tìm kiếm công việc, tập trung nguồn lực, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 giao để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch.

1. Chỉ tiêu kết quả SXKD năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	TH 2022		
		KH	TH	% so KH
1	Tổng doanh thu	1.200,00	1.116,59	93%
	Trong đó: Công ty mẹ	635,00	445,43	70%
2	Lợi nhuận trước thuế	60,00	42,62	71%
	Trong đó: Công ty mẹ	55,00	37,50	68%
3	Lợi nhuận sau thuế	59,00	41,35	70%
	Trong đó: Công ty mẹ	55,00	37,26	68%

(Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)

Hoạt động SXKD Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên như sau:

- Công ty Mẹ:

Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận năm 2022 chưa đạt kỳ vọng do một số nguyên nhân chủ yếu:

+ Tỷ lệ trúng thầu một số gói thầu cung cấp vật tư, thiết bị chưa cao (đạt 62,6%) do Công ty tập trung vào mảng thương mại kỹ thuật có lợi nhuận cao, đảm bảo an toàn vốn và hạn chế thực hiện các phương án kinh doanh thương mại tỷ suất lợi nhuận thấp, có rủi ro.

+ Công ty cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho các Nhà máy (hướng đến tham gia chuỗi) nên phải mất thời gian thử nghiệm và cung cấp theo tình hình thanh khoản của khách hàng nên không đẩy mạnh được doanh thu theo kế hoạch.

+ Công tác xuất khẩu gạo và nông sản do thời gian đầu phải tìm kiếm thị trường, thăm định khách hàng, cung cấp đơn hàng mẫu để khách hàng đánh giá nên doanh thu còn thấp.

+ Các dự án đầu tư của Công ty vẫn đang ở bước đầu hình thành, chưa ghi nhận được doanh thu, lợi nhuận.

Để khắc phục những tồn tại khó khăn trên, Ban Lãnh đạo Công ty đã có các điều chỉnh, cân nhắc các hoạt động SXKD của Công ty để giảm thiểu những tác động tiêu cực như:

+ Triển khai có lựa chọn trong hoạt động đầu tư, đặt mục tiêu cho các dự án tốt, khả thi, có khả năng thu hồi vốn nhanh như các dự án khu/cụm công nghiệp, sản xuất, xử lý rác thải...

+ Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, đại lý, cung cấp vật tư thiết bị cho đơn vị trong nước, trong đó đang tập trung khai thác việc cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế cho các Nhà máy điện của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power), Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) và vẫn đang mở rộng sang các đơn vị khác như Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM), Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM), Nhôm Việt Pháp Shal...

+ Nghiên cứu, mở rộng khảo sát các thị trường xuất khẩu tại châu Á, châu Phi với các mặt hàng như nông sản, phân bón, trong đó đã tiếp cận liên hệ một số thương vụ của Việt Nam tại một số quốc gia để tìm kiếm nguồn công việc, nhờ hỗ trợ kiểm tra các đối tác dự kiến hợp tác kinh doanh.

+ Song song với đó, thông qua các liên doanh của Công ty với Nhật Bản, đã làm việc với đại diện Lãnh đạo các hãng như FCC, Asian Honda... đưa ra các đề xuất hợp tác sản xuất trong nước cũng như xuất khẩu, gia công sản phẩm cho các đối tác Nhật Bản.

- Các đơn vị thành viên:

+ Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng: Hoạt động kinh doanh của đơn vị chính là kinh doanh đại lý xe ô tô Mitsubishi. Sau thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, thị trường ô tô Việt Nam đang có dấu hiệu hồi phục đã mang lại kết quả kinh doanh cao. Tổng doanh thu đạt 669,4 tỷ đồng (101% KH), lợi nhuận trước thuế đạt 5,1 tỷ (102% KH), lợi nhuận sau thuế đạt 4,07 tỷ (102% KH).

+ Công ty CP Machino Thành Đạt: đơn vị mới được thành lập tháng 9/2022, là đơn vị triển khai phát triển hệ thống nhà máy, dự án xử lý triệt để rác thải sinh hoạt, trong đó Công ty nắm giữ chi phối. Đơn vị này đang triển khai vận hành 02 nhà máy tại Thái Bình, Bắc Giang và đang nghiên cứu triển khai tiếp các nhà máy tại Ninh Bình, Nam Định, Sóc Trăng... Doanh thu là 1,75 tỷ đồng, lợi nhuận 130 triệu.

2.2. Tổ chức bộ máy và tái cấu trúc Công ty

- Tổ chức bộ máy: Để thực hiện việc triển khai mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty và đáp ứng yêu cầu công việc, Công ty đã thành lập thêm phòng chức năng: Phòng thương mại công ty với nhiệm vụ tìm hiểu và thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa với thị trường quốc tế và nghiên cứu xây dựng hệ thống đại lý phân phối thiết bị của các hãng uy tín. Thành lập Ban quản lý các dự án với chức năng tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.

- Hệ thống Quy chế, quy định nội bộ: Sau khi không còn là thành viên của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty đã rà soát, sửa đổi, bổ sung toàn bộ các Quy chế, quy định nội bộ phù hợp với mô hình kinh doanh hiện tại và định hướng phát triển.

- Tái cấu trúc:

+ Thực hiện giải thể Công ty TNHH Máy-Thiết bị Dầu khí Sài Gòn, Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế.

+ Các khoản vốn đầu tư nhỏ và các khoản vốn đầu tư tài chính: thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2022, Công ty đã và đang tìm kiếm, xây dựng phương án thực hiện để tối đa hóa hiệu quả, tập trung nguồn lực tài chính cho các hoạt động chính của Công ty.

2.3. Công tác tài chính và thu hồi công nợ

- Năm 2022, Công ty đã tiết giảm tối đa chi phí hoạt động, các khoản chi phí không cần thiết. Thu hồi dứt điểm các dự án, gói thầu đã hoàn thành như Dự án đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng (EX13), làm việc với các đối tác để có phương án giải quyết các khoản nợ đọng tại một số ngân hàng.

- Xử lý tài sản từ thu nợ: Hoàn thành việc chuyển nhượng 02 khu đất tại phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và Khu đất tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và đang thực hiện chuyển nhượng phần vốn tại Dự án HH3 Nam An Khánh.

- Công ty luôn đảm bảo đủ nguồn vốn và hạn mức tín dụng cho hoạt động kinh doanh.

2.4. Công tác đầu tư, hợp tác đầu tư dự án

Lĩnh vực hợp tác đầu tư, kinh doanh bất động sản, cụm công nghiệp, các dự án xử lý rác thải, năng lượng tái tạo được triển khai tích cực, trong năm 2022 đã đạt được nhiều kết quả tích cực tạo tiền đề tốt cho các năm sau, cụ thể:

- Đã tiếp cận, làm việc với nhiều đối tác, ký kết được các thỏa thuận, hợp đồng hợp tác để triển khai các dự án đầu tư như Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings, Công ty CP Licogi13, Công ty CP Tập đoàn Taseco...

- Trong năm đã lên kế hoạch tập trung triển khai một số dự án Khu/Cụm Công nghiệp, Tổ hợp Thương mại dịch vụ tại các tỉnh thành có lợi thế như Hà Nội, Hưng Yên, Thái Bình, Lạng Sơn...

- Hoàn thành việc cải tạo, sửa chữa nhà 4 tầng phía trong sân (nhà B) tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội và chuyển văn phòng làm việc về đây.

- Dự án Khu đô thị tại Khu đất Đông Anh (17,2ha), đang phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai đảm bảo phù hợp với các quy định cũng như nghiên cứu các thay đổi trong thời gian tới về luật đất đai.

III. Kế hoạch SXKD năm 2023

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai lĩnh vực thương mại dịch vụ, phân phối cụ thể:

+ Giữ vững và triển khai tích cực việc cung cấp vật tư, thiết bị cho các nhà máy điện, dự án, công trình dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, các đơn vị thành viên và các nhà máy điện khác.

+ Đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, trong đó tập trung làm tốt các mặt hàng đã khai thác được như gạo, ure, nông sản... song song với đó tích cực tìm kiếm thêm các mặt khác, thị trường tiềm năng khác phù hợp với lĩnh vực Công ty đã và đang thực hiện.

+ Tổ chức đấu thầu các dự án đầu tư đã tiếp cận, triển khai danh mục các dự án đã khai thác theo nguyên tắc từng phần, từng dự án, phân chia giai đoạn hợp lý đảm bảo ưu tiên đủ nguồn lực về vốn, về nhân lực.

- Thu xếp, cân đối đủ vốn cho hoạt động đầu tư và kinh doanh, lập và triển khai các phương án thoái vốn, tái cơ cấu các khoản đầu tư tại các đơn vị thành viên, liên kết.

- Tiếp tục công tác thu hồi nợ, thu hồi vốn các dự án, hợp đồng.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch 2023

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.500,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	784,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	65,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	57,50
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	61,20
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	55,00

3. Giải pháp triển khai thực hiện

3.1. Lĩnh vực kinh doanh thương mại

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai lĩnh vực thương mại dịch vụ cụ thể:
 - + Tham gia đấu thầu cung cấp vật tư cho các nhà máy điện, vật tư cho các đơn vị Quân chủng Phòng không - Không quân theo năng lực.
 - + Tìm kiếm khách hàng có thanh khoản, tham gia vào chuỗi cung ứng nguyên liệu cho các nhà máy SX như Phôi nhôm, quặng sắt, than cám...
 - + Từng bước xuất khẩu gạo, nông sản...sang thị trường Châu Á (Dubai, Ấn độ, Malaysia...), Châu Phi (Ghana...) và các mặt hàng khác.
- Tiếp tục quản lý các hợp đồng kinh doanh nhượng quyền thương mại, đại lý tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội và cho thuê tài sản tại Đông Anh, Hà Nội.

3.2. Lĩnh vực đầu tư, hợp tác đầu tư và triển khai danh mục các dự án

- Tổ chức đấu thầu các dự án đầu tư đã tiếp cận, triển khai danh mục các dự án đã khai thác theo nguyên tắc từng phần, từng dự án, phân chia giai đoạn hợp lý đảm bảo ưu tiên đủ nguồn lực về vốn, về nhân lực.
- Về dự án phát triển hệ thống nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt: đã giao nhiệm vụ cho Công ty CP Machino Thành Đạt vận hành, khai thác và phát triển hệ thống nhà máy tại Thái Bình (02 nhà máy), Nam Định, Bắc Giang, Sóc Trăng...

3.3. Lĩnh vực tài chính, tái cơ cấu, thoái vốn và khác

- Thu xếp, cân đối đủ vốn cho hoạt động đầu tư và kinh doanh; sử dụng vốn thu được từ hoạt động chuyển nhượng vốn đầu tư tại một số đơn vị có vốn góp và các khoản đầu tư tài chính khác, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty;

thực hiện thu hồi nợ, thu hồi vốn các dự án, phương án, hợp đồng kinh doanh thương mại.

- Rà soát, đánh giá và lập danh sách các đơn vị có vốn góp và các khoản đầu tư tài chính khác cần chuyển nhượng vốn theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 thông qua.

- Nghiên cứu, đánh giá chi tiết các khoản nợ cần mua lại tại một số tổ chức tín dụng (nguồn gốc hình thành, hồ sơ pháp lý, tài sản đảm bảo, tính khả thi, hiệu quả của việc mua nợ...) để tiếp tục nghiên cứu và triển khai việc mua nợ theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 thông qua.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023 theo nội dung trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

CÔNG TY CP MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ
TỔNG GIÁM ĐỐC ✓



Phạm Văn Hiệp

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Luật
Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí (Công ty);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Máy
– Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH
hãng kiểm toán AASC;

Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 do Ban Kiểm soát
thực hiện;

Thay mặt Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu Khí (BKS) tôi
xin báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2022
trước Đại hội với các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

1. Trong năm 2022, nhân sự của Ban Kiểm soát không có sự thay đổi so với năm 2021. Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên kiêm nhiệm. Các thành viên Ban Kiểm soát đều đủ tiêu chuẩn quy định theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát. Trong phạm vi quyền hạn của mình Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo đúng các Quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Mức thù lao của Ban Kiểm soát năm 2022 theo đúng nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 19/4/2022;
3. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên Ban Kiểm soát trên các mặt hoạt động của Công ty. Trong năm 2022, Ban Kiểm soát thực hiện 06 cuộc họp để thực hiện kiểm tra trong quý và triển khai công việc trong các quý tiếp theo. Các thành viên Ban Kiểm soát đã hoàn thành trách nhiệm theo sự phân công cụ thể.

4. Trong năm 2022, BKS đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và đột xuất để kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, bao gồm hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý, người đại diện của Công ty tại các đơn vị có vốn góp. Các nội dung chủ yếu được thông qua:

- Kết quả thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2022, các Quý, báo cáo bán niên và báo cáo năm 2022 của Công ty đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán Việt Nam (AASC).
- Thống nhất nội dung và kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn góp của Công ty.
- Thống nhất thông qua Báo cáo giám sát hàng quý của BKS gửi HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty; thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023.
- Kết quả giám sát các khoản công nợ phải thu quá hạn.

Các cuộc họp của BKS diễn ra dân chủ, các Biên bản cuộc họp được ghi chép chi tiết, rõ ràng và lưu trữ đầy đủ.

5. Ban Kiểm soát cũng đã giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với nghĩa vụ công ty niêm yết, nghĩa vụ công bố thông tin cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan. Trong năm 2022, tại Công ty không có vi phạm nào nghiêm trọng liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin.
6. Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị (HĐQT).
7. Ban Kiểm soát giám sát chặt chẽ việc thực hiện những nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Giám sát việc thực hiện kế hoạch quý, năm của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên của Công ty.
8. Ban Kiểm soát cũng đã giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty, các cuộc họp về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.
9. Ban Kiểm soát đã làm việc với một số đơn vị Kiểm toán độc lập để lựa chọn và đề xuất với HĐQT quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập nằm trong danh sách 4 công ty Kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 19/4/2022 thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

10. Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty do Ban Tổng Giám đốc lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.
11. Ban Kiểm soát thực hiện việc Giám sát việc huy động, sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền; phân phối lợi nhuận, công tác kiểm kê và thực hiện các định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí. Giám sát công tác quản lý và thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản công nợ phải thu quá hạn. Giám sát công tác chi trả cổ tức.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022, đồng thời với việc xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu của AASC, ngoại trừ các yếu tố ảnh hưởng đã được kiểm toán nêu Ban kiểm soát xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022, báo cáo kết quả kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ 01/01/2022 đến 31/12/2022, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2022 đã phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 do Ban Tổng Giám đốc báo cáo, số liệu cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu thực hiện hoạt động SXKD năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh	
				Giá trị	%
1	Tổng doanh thu	1.200,00	1.116,59	- 83,41	93%
	<i>Riêng công ty Mẹ</i>	635,00	445,43	- 189,57	70%
2	Lợi nhuận trước thuế	60,00	42,62	- 17,38	71%
	<i>Riêng công ty Mẹ</i>	55,00	37,50	- 17,50	68%
3	Lợi nhuận sau thuế	59,00	41,35	- 17,65	70%
	<i>Riêng công ty Mẹ</i>	55,00	37,26	- 17,74	68%

Số liệu Tổng doanh thu và tổng lợi nhuận đã bao gồm các khoản giảm trừ theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.

Với kết quả kinh doanh như đã nêu trên, BKS có nhận xét như sau: Năm 2022, Công ty mẹ chưa hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua, cụ thể:

- Trong năm 2022, Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh Công ty Mẹ đạt 445,43 tỷ đồng đạt 70% kế hoạch, trong đó doanh thu bán hàng và dịch vụ là 375,36 tỷ đồng (doanh thu từ cung cấp thiết bị dự án và hoạt động thương mại là 359,23 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động dịch vụ là 13,19 tỷ đồng, hoạt động xây lắp là 2,93 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế cả năm Công ty Mẹ đạt 37,26 tỷ đồng giảm 27 % so với năm 2021 (51,74 tỷ đồng), đạt 68% kế hoạch; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ đạt 9,6 %.
- Hợp nhất số liệu toàn Công ty tổng doanh thu đạt 1.116,59 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 37,26 tỷ đồng.

2. Về việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và biến động tài sản năm 2022.

1.2.1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được cơ quan kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Ngoài các yếu tố ngoại trừ, Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2022 của Công ty được phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022. Các báo cáo của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp tại Việt Nam.
- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định.

Về tài sản và nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, BKS xin tóm lược như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty Mẹ		Hợp nhất		Tăng giảm	
	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	Công ty mẹ (2022/2021)	Hợp nhất (2022/2021)
I. Tổng tài sản	697.217	737.137	782.370	814.755	95%	96%
Trong đó						
1. Tài sản ngắn hạn.	383.683	432.187	494.810	504.553	89%	98%

Chỉ tiêu	Công ty Mẹ		Hợp nhất		Tăng giảm	
	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	Công ty mẹ (2022/2021)	Hợp nhất (2022/2021)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	44.883	61.634	49.560	65.377	73%	76%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.620	131.250	79.620	131.250	61%	61%
- Các khoản phải thu	233.634	220.518	281.643	240.392	106%	117%
- Hàng tồn kho	22.414	16.210	78.335	62.913	138%	125%
- TS ngắn hạn khác	3.132	2.575	5.652	4.621	122%	122%
2. Tài sản dài hạn	313.534	304.950	287.560	310.199	103%	93%
- Các khoản phải thu	1.600	11.877	1.600	12.337	13%	13%
- Tài sản cố định	3.063	16.130	52.604	54.419	19%	97%
- Bất động sản đầu tư						
- Tài sản dở dang dài hạn	6.619	901	6.619	14.763	735%	45%
- Các khoản đầu tư TC dài hạn	262.584	234.484	184.856	184.856	112%	100%
- TS dài hạn khác	39.668	41.558	41.882	43.827	95%	96%
II. Tổng nguồn vốn	697.217	737.137	782.370	814.754	95%	96%
Trong đó						
1. Nợ phải trả	191.634	237.272	272.853	315.044	81%	87%
- Nợ ngắn hạn	191.634	237.272	259.721	299.617	81%	87%
- Nợ dài hạn			13.132	15.427		85%
2. Vốn chủ sở hữu	505.583	499.865	509.517	499.710	101%	102%
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386	386.386	386.386	386.386	100%	100%
- Quỹ đầu tư phát triển	18.763	18.763	18.921	18.921	100%	100%
- Lợi nhuận chưa phân phối	100.433	94.716	77.219	69.517	106%	111%
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát			26.991	24.886		108%

- Tổng tài sản và tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2022 hợp nhất toàn Công ty là 782.37 tỷ đồng (Công ty mẹ: 697.22 tỷ đồng) đều giảm so với năm 2021, cụ thể: Tổng tài sản hợp nhất giảm 32.3 tỷ đồng tương ứng 4%, Tổng tài sản Công ty mẹ giảm 39.9 tỷ đồng tương ứng 6% so với năm

2021, nguyên nhân do:

- Giảm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.
- Khoản mục Tài sản dài hạn hợp nhất toàn Công ty giảm là do khoản phải thu dài hạn khác giảm.
- Vốn chủ sở hữu của toàn Công ty đến 31/12/2022 là 509.52 tỷ đồng, tăng 2% so với đầu năm (VCSH Công ty mẹ 505.9 tỷ đồng tăng 1% so với đầu năm) việc tăng vốn chủ sở hữu là do lợi nhuận trong kỳ đem lại, bên cạnh việc tăng lợi nhuận thì Công ty cũng đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021.
- Các khoản phải thu ngắn hạn (chưa tính giảm trừ dự phòng phải thu) theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại 31/12/2022 là 403.62 tỷ đồng, tăng 114.2 tỷ đồng với năm trước (Công ty Mẹ: phải thu ngắn hạn là 401.9 tỷ đồng, tăng 13.6 tỷ đồng). Trong đó công nợ quá hạn là 163.65 tỷ đồng (Công ty mẹ: công nợ quá hạn là 168.34 tỷ đồng).
- Tổng số dự phòng các khoản phải thu đã được trích lập là 163.65 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ trích lập 167.92 tỷ đồng).
- Đến 31/12/2022 dư vay ngắn hạn toàn Công ty là 169.24 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ vay ngắn hạn là 111.7 tỷ đồng.
- Công nợ phải trả toàn Công ty: 272.85 tỷ đồng (trong đó Công nợ phải trả Công ty mẹ 191.63 tỷ đồng).

Các chỉ tiêu liên quan đến các chỉ số tài chính tại Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản	0,59	0,55
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,41	0,45
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng Nguồn vốn	0,27	0,27
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng Nguồn vốn	0,68	0,73
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	1,82	2,00
2.2 Khả năng thanh toán nhanh	1,75	1,88
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	11,62%	9,92%

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
3.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	7,02%	5,34%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn CSH	10,35%	7,37%

Các chỉ số tài chính năm 2022 của Công ty mẹ cho thấy tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2022, Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể:

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Tháng 12 năm 2022, ĐHĐCĐ đã tiến hành đại hội bất thường và Miễn nhiệm đối với ông Vũ Đình Đông – UVHĐQT từ ngày 12/10/2022 và Bổ nhiệm Ông Vương Hoàng Thăng làm UV HĐQT. HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2022. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, công tác tái cấu trúc, tổ chức nhân sự, bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương...theo đúng quy định và điều lệ của PVMACHINO, quy định của pháp luật. HĐQT tổ chức họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho các đồng chí phụ trách theo từng lĩnh vực, thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng để triển khai Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty, rà soát đánh giá kết quả của từng nội dung các công việc để chỉ đạo các phòng, bộ phận thực hiện triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời để đạt được kết quả tốt nhất, đảm bảo tuân thủ điều lệ của Công ty và chấp hành nghiêm chỉnh Luật doanh nghiệp.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN TGD.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Ban điều hành, được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; BKS phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trên

nguyên tắc vì lợi ích tối đa của Công ty và các cổ đông thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật.

V. ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA PVM VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN.

Ban kiểm soát thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn, thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành và Kế toán trưởng và người có liên quan theo quy định. Trong năm 2022, Công ty không có các hợp đồng, giao dịch giữa PVM, Công ty con với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành của PVM và những người có liên quan; giao dịch giữa PVM với Công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc người điều hành khác của PVM là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty tiếp tục thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật của Nhà nước, tổ chức họp định kỳ để rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp để hoạt động của BKS có hiệu quả; tập trung vào các công việc cụ thể sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát năm 2023. Họp định kỳ để kịp thời đề xuất các biện pháp hoạt động Ban kiểm soát có hiệu quả.
- Thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát sản xuất kinh doanh năm 2023. Làm việc với Người đại diện phần vốn của PVM tại các đơn vị và Ban kiểm soát của các đơn vị về tình hình thực hiện công tác quản lý giám sát kiểm tra tại các đơn vị thành viên.
- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ, chính sách, pháp luật Nhà nước, các quy định văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng đối với toàn bộ hoạt động tại Công ty: công tác tổ chức, công tác tài chính kế toán, công tác đầu tư, công tác kinh doanh,...
- Giám sát tình hình thực hiện các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty để phù hợp với công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, đề xuất sửa đổi (nếu có)
- Kiểm tra đôn đốc việc lập báo cáo kế toán, thẩm định các báo cáo kết quả kinh doanh, BCTC quý, năm. Phân tích và đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

- Giám sát công tác quản lý và sử dụng vốn, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, tình hình thực hiện việc cắt giảm chi phí tại Công ty và các đơn vị thành viên theo như kế hoạch đã đăng ký.
- Giám sát việc xử lý và thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ quá hạn.
- Thực hiện các công tác đột xuất khác mà HĐQT hoặc các cổ đông yêu cầu trong phạm vi chức năng của Ban Kiểm soát được quy định trên cơ sở tuân thủ những quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và các quy định của pháp luật.
- Và các nhiệm vụ khác được quy định trong Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

VII. KIẾN NGHỊ

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra của năm 2023, Ban Kiểm soát đề nghị:

1. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Công ty nỗ lực hơn nữa trong hoạt động kinh doanh toàn Công ty.
2. Đánh giá được rủi ro của thị trường để từ đó nắm bắt được cơ hội mới trong hoạt động kinh doanh.
3. Công ty tiếp tục và duy trì tốt công tác quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
4. Tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực của CBNV hơn nữa để đáp ứng công việc ngày càng tốt hơn.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023. Ban Kiểm soát PVM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty; *sh*
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lê Thị Kiều Vân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-43

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Trần Văn Long	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Vương Hoàng Thăng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 21/12/2022
Ông Vũ Đình Đông	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12/10/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/04/2022
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Số: 100323.015/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam từ các năm trước lũy kế đến thời điểm 31/12/2022. Do trước đây khoản vay được đảm bảo bằng khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (Số dư tại 31/12/2022 là 96.856.865.496 đồng) nên Công ty đang đề nghị Ngân hàng miễn giảm tiền lãi cho Công ty. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, Chúng tôi không thể xác định được chi phí lãi vay thực tế Công ty cần ghi nhận trong năm và lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		383.682.859.878	432.187.521.981
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	44.882.845.007	61.633.670.076
111	1. Tiền		44.462.845.007	61.633.670.076
112	2. Các khoản tương đương tiền		420.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	79.620.250.000	131.250.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.980.781.305	24.980.781.305
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(12.960.531.305)	(1.730.781.305)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		67.600.000.000	108.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		233.633.958.296	220.518.387.559
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	274.677.518.293	364.954.062.676
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	36.467.652.874	4.986.914.835
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	90.833.382.181	18.506.514.239
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(168.344.595.052)	(167.929.104.191)
140	IV. Hàng tồn kho	9	22.413.795.643	16.210.023.592
141	1. Hàng tồn kho		22.413.795.643	16.210.023.592
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.132.010.932	2.575.440.754
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		193.346.121	380.913.204
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.238.874.298	1.935.680.059
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	699.790.513	258.847.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		313.534.365.024	304.950.286.116
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.600.000.000	11.877.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.600.000.000	11.877.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.063.381.624	16.130.238.446
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.063.381.624	979.071.979
222	- Nguyên giá		10.562.913.208	7.953.817.505
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.499.531.584)	(6.974.745.526)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	15.151.166.467
228	- Nguyên giá		547.965.000	15.692.599.200
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(547.965.000)	(541.432.733)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	-
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.545.622.940)	(17.545.622.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.618.870.763	900.761.922
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		302.569.348	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.316.301.415	900.761.922
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	262.583.887.357	234.483.887.357
251	1. Đầu tư vào công ty con		107.728.213.760	79.628.213.760
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.447.257.429	1.447.257.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(35.760.303.405)	(35.760.303.405)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		39.668.225.280	41.558.398.391
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	39.668.225.280	41.558.398.391
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		697.217.224.902	737.137.808.097

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		191.634.117.448	237.272.450.192
310	I. Nợ ngắn hạn		191.634.117.448	237.272.450.192
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	48.965.975.813	143.006.176.625
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	5.245.895.485	2.982.685.874
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	318.134.754	246.342.102
314	4. Phải trả người lao động		1.173.354.545	2.876.085.221
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	192.809.226	24.774.693
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		475.827.271	774.917.478
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	21.069.745.020	2.911.933.770
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	111.699.063.744	81.265.498.839
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.493.311.590	3.184.035.590
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		505.583.107.454	499.865.357.905
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	505.583.107.454	499.865.357.905
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.763.147.666	18.763.147.666
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		100.433.959.788	94.716.210.239
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		63.169.190.239	42.972.590.444
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		37.264.769.549	51.743.619.795
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>697.217.224.902</u>	<u>737.137.808.097</u>



Lý Thị Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	375.363.945.058	445.487.855.883
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		375.363.945.058	445.487.855.883
11	4. Giá vốn hàng bán	24	359.699.690.598	433.738.955.826
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.664.254.460	11.748.900.057
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	68.806.174.699	71.854.294.614
22	7. Chi phí tài chính	26	14.239.361.113	3.737.543.189
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>2.940.592.258</i>	<i>1.707.331.409</i>
25	8. Chi phí bán hàng	27	6.758.188.892	7.197.447.007
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	27.012.662.846	26.419.970.453
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.460.216.308	46.248.234.022
31	11. Thu nhập khác	29	1.264.637.710	6.247.329.694
32	12. Chi phí khác	30	227.088.070	751.943.921
40	13. Lợi nhuận khác		1.037.549.640	5.495.385.773
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.497.765.948	51.743.619.795
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	232.996.399	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.264.769.549	51.743.619.795


Lý Thị Lệ Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngPhạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		37.497.765.948	51.743.619.795
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		531.318.325	312.407.203
03	- Các khoản dự phòng		11.645.240.861	1.754.719.061
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.523.146)	26.290.260
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(69.661.911.469)	(71.738.239.415)
06	- Chi phí lãi vay		2.940.592.258	1.707.331.409
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.056.517.223)	(16.193.871.687)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.350.529.490)	(172.981.033.368)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.506.341.399)	1.660.648.313
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(75.989.988.782)	95.533.858.392
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.484.882.843	5.651.505.094
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	(24.980.781.305)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.867.557.725)	(1.682.556.716)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(232.996.399)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.190.724.000)	(4.757.488.058)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(109.709.772.175)	(117.749.719.335)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.431.777.845)	(931.116.467)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.309.616.196	280.545.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(57.600.000.000)	(135.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		98.000.000.000	225.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.100.000.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		69.849.260.104	73.774.906.973
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		89.027.098.455	163.124.335.961
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		260.404.781.467	248.398.928.889
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(229.971.216.562)	(248.910.847.360)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(26.511.239.400)	(38.746.015.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.922.325.505	(39.257.933.871)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(16.760.348.215)	6.116.682.755

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		61.633.670.076	55.517.250.501
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.523.146	(263.180)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>44.882.845.007</u>	<u>61.633.670.076</u>



Lý Thị Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 66 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 64 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có duy nhất một đơn vị trực thuộc là Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế - Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí. Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội. Ngày 31/03/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0035/QĐ/MTB-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động Trung tâm Hợp tác lao động và dịch vụ quốc tế. Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty đang thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động Trung tâm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 08 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Công ty dự kiến phân bổ toàn bộ giá trị lợi thế vị trí địa lý này trước thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo đúng quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính Phủ.
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ mua cho cán bộ nhân viên được Công ty phân bổ theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với Công ty bảo hiểm theo từng cấp độ nhân viên.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 05 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	51.506.155	1.738.610.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.129.880.852	59.895.059.413
Tiền đang chuyển	281.458.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	420.000.000	-
	<u>44.882.845.007</u>	<u>61.633.670.076</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 420.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng TMCP Công thương với lãi suất 5,4 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	67.600.000.000	-	108.000.000.000	-
	<u>67.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>108.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 67.600.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,4%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 465.000 cổ phiếu TCB được Công ty đầu tư với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Giá trị đầu tư là 24.980.781.305 VND, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại thời điểm 31/12/2022 với giá trị là 12.020.250.000 đồng, giá trị dự phòng khoản đầu tư này là 12.960.531.305 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	107.728.213.760	(30.000.000.000)	79.628.213.760	(30.000.000.000)
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(30.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	49.628.213.760	-	49.628.213.760	-
- Công ty Cổ phần MACHINO Thành Đạt	28.100.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.447.257.429)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.447.257.429)
Đầu tư vào đơn vị khác	189.168.719.573	(4.313.045.976)	189.168.719.573	(4.313.045.976)
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam ^(2.1)	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki ^(2.2)	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(841.102.790)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.455.943.186)	3.621.000.000	(1.455.943.186)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	<u>298.344.190.762</u>	<u>(35.760.303.405)</u>	<u>270.244.190.762</u>	<u>(35.760.303.405)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (1)	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(1)	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị
Công ty Cổ phần MACHINO Thành Đạt (2)	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại

Ngày 31/03/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0034/QĐ/MTB-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn. Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty đang thực hiện các thủ tục giải thể.

(1) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng.

(2) Ngày 09/09/2022, Hội đồng quản trị Công ty Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0111/QĐ/MTB-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH MACHINO Thành Đạt và cử Người đại diện quản lý phần góp vốn tại Công ty này. Vốn điều lệ Công ty TNHH MACHINO Thành Đạt là 55.000.000.000 VND, vốn thực góp của các bên đến thời điểm 31/12/2022 là 28.050.000.000 VND.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại máy móc và thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dứa
Công ty TNHH FCC Việt Nam ⁽³⁾	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki ⁽³⁾	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,00%	8,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội ⁽⁴⁾	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

(3) Theo Nghị quyết số 149/NQ/MTB-HDQT và Nghị quyết số 150/NQ/MTB-HDQT ngày 23/12/2022, Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki và tại Công ty TNHH FCC Việt Nam.

(4) Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	27.327.785.095	(26.676.411.808)	27.210.639.650	(26.676.411.808)
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	27.135.961.346	(26.676.411.808)	27.018.815.901	(26.676.411.808)
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	191.823.749	-	191.823.749	-
<i>Bên khác</i>	247.349.733.198	(141.644.698.244)	337.743.423.026	(141.229.207.383)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam Bình Phát	-	-	33.735.707.500	-
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa Chất	-	-	49.063.586.321	-
Công ty TNHH VJCO	-	-	16.432.421.336	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	-	-	32.778.005.260	-
Công ty Cổ phần Nhôm Việt Pháp Shal	35.468.304.225	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	81.396.909.317	(11.160.178.588)	75.249.182.953	(10.744.687.727)
	<u>274.677.518.293</u>	<u>(168.321.110.052)</u>	<u>364.954.062.676</u>	<u>(167.905.619.191)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50.000.000	-	50.000.000	-
<i>Bên khác</i>	36.417.652.874	(23.485.000)	4.936.914.835	(23.485.000)
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	-	963.600.000	-
Công ty Cổ phần Contech Group	3.649.514.696	-	2.503.511.634	-
Công ty cổ phần SENKA INTERNATIO	7.939.106.801	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu QĐ Việt Nam	19.514.183.040	-	-	-
Trả trước người bán khác	4.351.248.337	(23.485.000)	1.469.803.201	(23.485.000)
	<u>36.467.652.874</u>	<u>(23.485.000)</u>	<u>4.986.914.835</u>	<u>(23.485.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	893.578.958	-	2.245.909.589	-
Tạm ứng (1)	58.504.123.132	-	15.739.200.000	-
Ký cược, ký quỹ	149.316.529	-	375.752.983	-
Công ty Cổ phần thương mại đầu tư Đông Đô (2)	16.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (3)	15.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	286.363.562	-	145.651.667	-
	<u>90.833.382.181</u>	<u>-</u>	<u>18.506.514.239</u>	<u>-</u>
a.2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>				
Ông Phạm Văn Hiệp	35.200.000.000	-	9.000.000.000	-
Ông Phan Trung Nghĩa	14.550.000.000	-	3.000.000.000	-
Ông Chu Thành Nam	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Ông Lê Ngọc Dũng	17.650.000.000	-	-	-
Ông Lê Ngọc Dũng	-	-	3.000.000.000	-
<i>Bên khác</i>				
Công ty cổ phần Thương mại đầu tư Đông Đô (2)	55.633.382.181	-	9.506.514.239	-
Công ty cổ phần Thương mại đầu tư Đông Đô (2)	16.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (3)	15.000.000.000	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	24.633.382.181	-	9.506.514.239	-
	<u>90.833.382.181</u>	<u>-</u>	<u>18.506.514.239</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng (1)	-	-	10.277.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	600.000.000	-	600.000.000	-
	1.600.000.000	-	11.877.000.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	600.000.000	-	600.000.000	-
Tạm ứng và các khoản phải thu khác	1.000.000.000	-	11.277.000.000	-
	1.600.000.000	-	11.877.000.000	-

(1) Khoản tạm ứng chủ yếu cho ban lãnh đạo Công ty phục vụ triển khai các hoạt động kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư bất động sản.

(2) Hợp đồng hợp tác số 2812/2022/HĐHT ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông đô ("Đông Đô") về việc cùng nhau hợp tác để nghiên cứu, triển khai và phát triển các dự án đầu tư (bất động sản, cụm.khu công nghiệp, xử lý rác thải...) tại các tỉnh phía bắc, trong đó tập trung như tỉnh Thái Bình, Nam Định. Theo hợp đồng này, Công ty tạm ứng cho Đông Đô để tiến hành triển khai các công việc như đã thống nhất với số tiền 16 tỷ đồng. Hợp đồng được thực hiện dự kiến trong 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trường hợp gia hạn thời gian hợp tác, các bên sẽ bàn bạc, thống nhất bằng các phụ lục hợp đồng.

(3) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 561/2021/HĐNT ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Licogi 13 (Bên A), Công ty (Bên B) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (Bên C) về việc hợp tác đầu tư dự án khu dân cư sinh thái chất lượng cao Cam Phú - Thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa;

Phương thức hợp tác: Các bên thành lập Liên danh để đấu thầu làm Chủ đầu tư Dự án dân cư sinh thái chất lượng cao Cam Phú phù hợp với quy định của pháp luật, theo đó tỷ lệ đóng góp của mỗi bên như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla: 40% Tổng chi phí;
- Công ty Cổ phần Licogi 13: 30% Tổng chi phí;
- Công ty: 30% Tổng chi phí.

Chi phí cho đến khi Liên danh nhận được Quyết định Chủ đầu tư Dự án thực tế sẽ được các bên thống nhất, xác nhận bằng văn bản phân bổ cho các thành viên liên danh theo tỷ lệ quy định.

Số dư tại ngày 31/12/2022 là khoản tạm ứng theo tiến độ hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng ⁽¹⁾	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar ⁽²⁾	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty TNHH MTV Máy Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	26.676.411.808	-	26.676.411.808	-
- Các khoản khác	14.747.749.406	14.747.749.406	10.768.172.727	10.768.172.727
	<u>171.908.680.870</u>	<u>145.232.269.062</u>	<u>167.929.104.191</u>	<u>141.252.692.383</u>

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

Thông tin về một số khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 VND. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này tuy nhiên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 VND. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, để đảm bảo thận trọng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	366.781.347	-	366.781.347	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.060.061.356	-	15.818.023.880	-
Hàng hoá	5.986.952.940	-	25.218.365	-
	<u>22.413.795.643</u>	<u>-</u>	<u>16.210.023.592</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Cải tạo, sửa chữa nhà B tại số 08 Trảng Thi	6.316.301.415	900.761.922
	<u>6.316.301.415</u>	<u>900.761.922</u>

Tên dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;
- Mục đích xây dựng: Cải tạo, sửa chữa khu 4 tầng (nhà B) để chuyển văn phòng làm việc của Công ty;
- Địa điểm xây dựng: Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Tổng mức đầu tư: 14.828.200.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: 150 ngày kể từ ngày khởi công;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2022: Đang thực hiện quyết toán và dự kiến hoàn thành trong Quý I/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.211.033.146	-	6.402.806.905	339.977.454	-	7.953.817.505
- Mua trong năm	-	-	-	47.909.091	161.200.000	209.109.091
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.399.986.612	-	-	-	2.399.986.612
Số dư cuối năm	<u>1.211.033.146</u>	<u>2.399.986.612</u>	<u>6.402.806.905</u>	<u>387.886.545</u>	<u>161.200.000</u>	<u>10.562.913.208</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.100.918.462	-	5.561.998.358	311.828.706	-	6.974.745.526
- Khấu hao trong năm	58.382.364	223.745.655	186.623.376	23.534.662	32.500.001	524.786.058
Số dư cuối năm	<u>1.159.300.826</u>	<u>223.745.655</u>	<u>5.748.621.734</u>	<u>335.363.368</u>	<u>32.500.001</u>	<u>7.499.531.584</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	<u>110.114.684</u>	-	<u>840.808.547</u>	<u>28.148.748</u>	-	<u>979.071.979</u>
Tại ngày cuối năm	<u>51.732.320</u>	<u>2.176.240.957</u>	<u>654.185.171</u>	<u>52.523.177</u>	<u>128.699.999</u>	<u>3.063.381.624</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.449.452.025 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.144.634.200	547.965.000	15.692.599.200
- Thanh lý, nhượng bán	<u>(15.144.634.200)</u>	-	<u>(15.144.634.200)</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>547.965.000</u>	<u>547.965.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	541.432.733	541.432.733
- Khấu hao trong năm	-	<u>6.532.267</u>	<u>6.532.267</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>547.965.000</u>	<u>547.965.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>15.144.634.200</u>	<u>6.532.267</u>	<u>15.151.166.467</u>
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 547.965.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất được công ty thanh lý trong kỳ (thu nhập từ thanh lý được trình bày tại thuyết minh số 28) bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại thửa đất số 44-2, tờ bản đồ số 66-c-II-A tại số 5, cụm 4 Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội với diện tích 137,4m²;
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số 12, tờ bản đồ số 48 GCNQSD số BU 367691 tại tổ 27, Phường Vĩnh Diệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng với diện tích 92,4m².

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Bất động sản đầu tư cho thuê			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là 23.600 m² đất tại Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng	-	127.045.769
Công cụ dụng cụ xuất dùng	364.631.629	33.830.043
Chi phí sửa chữa văn phòng tại toà nhà	1.686.927.663	-
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	<u>9.073.732.067</u>	<u>12.854.588.658</u>
	<u>39.668.225.280</u>	<u>41.558.398.391</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(*) Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 08 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Công ty dự kiến phân bổ toàn bộ giá trị lợi thế vị trí địa lý này trước thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo đúng quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính Phủ.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	140.081.379	140.081.379	130.147.763	130.147.763
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	140.081.379	140.081.379	130.147.763	130.147.763
<i>Bên khác</i>	48.825.894.434	48.825.894.434	142.876.028.862	142.876.028.862
Công ty cổ phần Đại Kim	-	-	11.774.400.000	11.774.400.000
Công ty cổ phần đầu tư TDG GLOBAL	-	-	16.424.300.254	16.424.300.254
Công ty TNHH Xây dựng TM và DV Bình An	-	-	26.773.821.624	26.773.821.624
Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	-	-	23.879.558.508	23.879.558.508
Công ty TNHH CN và DV Kỹ thuật DTL	15.886.856.700	15.886.856.700	-	-
Công ty TNHH Công nghiệp Delta	7.999.071.420	7.999.071.420	-	-
Công ty Cổ phần Cơ điện EME	5.579.394.840	5.579.394.840	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Hoàng Gia	5.197.557.812	5.197.557.812	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	14.163.013.662	14.163.013.662	64.023.948.476	64.023.948.476
	<u>48.965.975.813</u>	<u>48.965.975.813</u>	<u>143.006.176.625</u>	<u>143.006.176.625</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Ban QLDA ĐTXD các Công trình Giao thông Quảng Ninh	-	1.840.000.000
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp TLT	2.650.112.850	-
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.044.488.827	-
Người mua trả tiền trước khác	541.493.808	132.885.874
	<u>5.245.895.485</u>	<u>2.982.685.874</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	4.445.307.350	4.886.250.372	440.943.022	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	87.282.958	87.282.958	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	123.847.491	-	232.996.399	232.996.399	123.847.491	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	204.116.411	2.222.359.986	2.146.654.227	-	279.822.170
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	135.000.000	-	3.619.542.256	3.619.542.256	135.000.000	-
Các loại thuế khác	-	-	32.781.920	32.781.920	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	42.225.691	33.781.920	37.695.027	-	38.312.584
	<u>258.847.491</u>	<u>246.342.102</u>	<u>10.674.052.789</u>	<u>11.043.203.159</u>	<u>699.790.513</u>	<u>318.134.754</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	97.809.226	24.774.693
- Chi phí phải trả khác	95.000.000	-
	<u>192.809.226</u>	<u>24.774.693</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	91.557.807	183.443.065
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	17.678.460.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.171.049.530	2.635.268.930
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	128.677.683	73.221.775
	<u>21.069.745.020</u>	<u>2.911.933.770</u>

(*) Trong đó bao gồm 17.600.000.000 VND nhận khoản đặt cọc của Công ty TNHH Thương mại Hưng Việt TP Inmex liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp 10% giá trị dự án Nam An Khánh theo hợp đồng đặt cọc số 2011/HĐĐC/PVMACHINO-HV. Đến thời điểm 31/12/2022, các bên đang trong quá trình làm việc liên quan đến thực hiện hợp đồng này.

20 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (1)	43.886.978.000	43.886.978.000	-	20.623.548.491	23.263.429.509	23.263.429.509
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	14.552.188.310	14.552.188.310	58.446.385.936	72.998.574.246	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hai Bà Trưng (2)	22.826.332.529	22.826.332.529	162.597.499.537	119.911.391.219	65.512.440.847	65.512.440.847
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (3)	-	-	22.923.193.388	-	22.923.193.388	22.923.193.388
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Đông Đô	-	-	16.437.702.606	16.437.702.606	-	-
	<u>81.265.498.839</u>	<u>81.265.498.839</u>	<u>260.404.781.467</u>	<u>229.971.216.562</u>	<u>111.699.063.744</u>	<u>111.699.063.744</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCDK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ không quá 06 tháng và hiện nay khoản vay này đã quá hạn thanh toán;
 - + Lãi suất cho vay: Chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tuy nhiên, ngân hàng không xác nhận có khoản lãi vay nào liên quan;
 - + Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2022: 23.263.429.509 VND;
 - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (Số dư tại 31/12/2022 là 96.856.865.496 VND) và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.
- (2) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/339/HĐTD ngày 06/09/2022, với các điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Lãi suất cho vay: chi tiết theo từng lần vay, tại thời điểm 31/12/2022 là 9%/năm;
 - + Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2022: 65.512.440.847 VND;
 - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Các hợp đồng thế chấp/ cầm cố/ ký quỹ/ bảo lãnh của bên vay/ bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng tín dụng này và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.
- (3.1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần số 149 HTTD/2022-HĐCV/NHCT122-PVM ngày 04/11/2022, với các điều khoản như sau:
- + Mục đích vay: Thanh toán tạm ứng 100% giá trị tiền hàng của hợp đồng số 22A12-010DK/CX ngày 08/09/2022 và đề nghị thanh toán số DK14102022-1 ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày liền kề ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 8%/năm ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.409.010.348 VND;
 - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Các hợp đồng thế chấp/ cầm cố/ ký quỹ/ bảo lãnh của bên vay/ bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng tín dụng này và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.
- (3.2) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay từng lần số 150 HTTD/2022-HĐCV/NHCT122-PVM ngày 04/11/2022, với các điều khoản như sau:
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền tạm ứng của hợp đồng số 02.2022/HĐMB/PVM-QDVN ngày 27/10/2022 ký kết giữa PVM với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu QD Việt
 - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày liền kề ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 8%/năm ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 19.514.183.040 VND;
 - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Các hợp đồng thế chấp/ cầm cố/ ký quỹ/ bảo lãnh của bên vay/ bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng tín dụng này và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	18.763.147.666	88.084.084.766	493.233.232.432
Lãi trong năm trước	-	-	51.743.619.795	51.743.619.795
Phân phối lợi nhuận	-	-	(45.111.494.322)	(45.111.494.322)
Số dư cuối năm trước	386.386.000.000	18.763.147.666	94.716.210.239	499.865.357.905
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	18.763.147.666	94.716.210.239	499.865.357.905
Lãi trong năm nay	-	-	37.264.769.549	37.264.769.549
Phân phối lợi nhuận	-	-	(31.547.020.000)	(31.547.020.000)
Số dư cuối năm nay	386.386.000.000	18.763.147.666	100.433.959.788	505.583.107.454

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 0041/NQ/MTB-DHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,26%	4.500.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	85,74%	27.047.020.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bà Nguyễn Anh Thu	16,91%	65.351.000.000	16,91%	65.351.000.000
Bà Lê Thị Kiều Vân	18,12%	70.000.000.000	18,12%	70.000.000.000
Các cổ đông khác	64,97%	251.035.000.000	64,97%	251.035.000.000
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.635.268.930	2.742.684.330
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	27.047.020.000	38.638.600.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	27.047.020.000	38.638.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(26.511.239.400)	(38.638.600.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(26.511.239.400)	(38.638.600.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	3.171.049.530	2.742.684.330

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.638.600</i>	<i>38.638.600</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.638.600</i>	<i>38.638.600</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.763.147.666	18.763.147.666
	<u>18.763.147.666</u>	<u>18.763.147.666</u>

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang sử dụng diện tích đất 1.202,5 m² tại số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và 23.600 m² đất tại thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh, làm trụ sở văn phòng và đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20.823,56	985,58

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
	65.193.021.617	65.193.021.617

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	359.236.999.882	411.542.289.732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.197.018.324	17.347.900.306
Doanh thu hợp đồng xây lắp	2.929.926.852	16.597.665.845
	<u>375.363.945.058</u>	<u>445.487.855.883</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>106.495.859</u>	<u>1.571.264.712</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	349.398.160.248	404.738.562.787
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.518.099.374	13.425.090.697
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	2.783.430.976	15.575.302.342
	<u>359.699.690.598</u>	<u>433.738.955.826</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

Tổng giá trị mua vào:	<u>64.582.074</u>	<u>760.386.652</u>
-----------------------	-------------------	--------------------

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.462.573.222	12.009.724.728
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.034.356.251	59.654.875.395
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	166.270.291
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	9.523.146	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	299.722.080	23.424.200
	<u>68.806.174.699</u>	<u>71.854.294.614</u>

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	-	836.336.000
--	---	-------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.940.592.258	1.707.331.409
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	68.253.000	249.202.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	26.290.260
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	11.229.750.000	1.754.719.061
Chi phí tài chính khác	765.855	-
	<u>14.239.361.113</u>	<u>3.737.543.189</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.233.532	31.394.198
Chi phí nhân công	4.220.403.201	4.061.308.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.099.879.752	2.172.571.255
Chi phí khác bằng tiền	321.672.407	932.172.933
	<u>6.758.188.892</u>	<u>7.197.447.007</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.096.814.267	435.101.431
Chi phí nhân công	12.405.131.169	12.218.292.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	531.318.325	312.407.203
Thuế, phí, lệ phí	82.884.965	20.364.617
Chi phí dự phòng	415.490.861	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.911.496.623	11.921.306.873
Chi phí khác bằng tiền	5.569.526.636	1.512.497.473
	<u>27.012.662.846</u>	<u>26.419.970.453</u>

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.164.981.996	73.639.292
Tiền phạt thu được	99.623.214	-
Xử lý tài chính nợ phải trả không phải trả	-	6.032.826.765
Thu nhập khác	32.500	140.863.637
	<u>1.264.637.710</u>	<u>6.247.329.694</u>

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	227.088.070	740.443.920
Chi phí khác	-	11.500.001
	<u>227.088.070</u>	<u>751.943.921</u>

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.332.783.952	51.743.619.795
Các khoản điều chỉnh giảm	(64.034.356.251)	(59.654.875.395)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(64.034.356.251)	(59.654.875.395)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(27.701.572.299)	(7.911.255.600)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(123.847.491)	(123.847.491)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	<u>(123.847.491)</u>	<u>(123.847.491)</u>
<i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	1.164.981.996	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.164.981.996	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>232.996.399</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(232.996.399)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	<u>-</u>	<u>-</u>
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>(123.847.491)</u>	<u>(123.847.491)</u>

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, chiếm hơn 90% doanh thu hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 27 và Thuyết minh số 28.

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư ngắn hạn	12.020.250.000	-	-	12.020.250.000
	<u>12.020.250.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.020.250.000</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư ngắn hạn	23.250.000.000	-	-	23.250.000.000
	<u>23.250.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.250.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.882.845.007	-	-	44.882.845.007
Phải thu khách hàng, phải thu khác	197.189.790.422	1.600.000.000	-	198.789.790.422
Các khoản cho vay	67.600.000.000	-	-	67.600.000.000
	<u>309.672.635.429</u>	<u>1.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>311.272.635.429</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.633.670.076	-	-	61.633.670.076
Phải thu khách hàng, phải thu khác	215.554.957.724	11.877.000.000	-	227.431.957.724
Các khoản cho vay	108.000.000.000	-	-	108.000.000.000
	<u>385.188.627.800</u>	<u>11.877.000.000</u>	<u>-</u>	<u>397.065.627.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	111.699.063.744	-	-	111.699.063.744
Phải trả người bán, phải trả khác	70.035.720.833	-	-	70.035.720.833
Chi phí phải trả	192.809.226	-	-	192.809.226
	<u>181.927.593.803</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>181.927.593.803</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	81.265.498.839	-	-	81.265.498.839
Phải trả người bán, phải trả khác	145.918.110.395	-	-	145.918.110.395
Chi phí phải trả	24.774.693	-	-	24.774.693
	<u>227.208.383.927</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>227.208.383.927</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT
Các thành viên HĐQT	Điều hành Công ty
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và ban kiểm soát	Điều hành Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày đầu năm, kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Bán hàng	106.495.859	1.571.264.712
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	106.495.859	1.571.264.712
Mua hàng hóa, dịch vụ	64.582.074	760.386.652
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	64.582.074	610.386.652
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	-	150.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	836.336.000
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	-	836.336.000
Các khoản vay	-	8.655.165.990
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	-	8.655.165.990
Chi phí lãi vay	-	24.449.406
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	-	24.449.406
Số dư tại ngày đầu năm và kết thúc năm tài chính:		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn	43.404.242	44.744.996
Tiền gửi tại Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	43.404.242	44.744.996

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	1.493.019.823	911.062.057
Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT	483.000.000	122.000.000
Trần Văn Long - Ủy viên HĐQT	246.500.000	44.000.000
Vũ Đình Đông - Ủy viên HĐQT	127.333.333	44.000.000
Nguyễn Minh Tuấn - Ủy viên HĐQT	636.186.490	701.062.057
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác	3.874.451.400	3.000.357.327
Phạm Văn Hiệp - Tổng Giám đốc	1.169.336.900	893.327.512
Lê Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)	201.376.400	688.303.341
Phan Trung Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	639.697.100	692.765.838
Nguyễn Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc	639.697.100	52.333.287
Chu Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc	639.572.100	30.000.000
Hoàng Minh Đức - Kế toán trưởng	584.771.800	643.627.349
Thu nhập của Ban kiểm soát	482.500.000	88.000.000
Lê Thị Kiều Vân - Trưởng Ban Kiểm soát	221.500.000	38.000.000
Phạm Thị Hải An - Thành viên Ban Kiểm soát	137.500.000	26.000.000
Hà Thị Thanh Hậu - Thành viên Ban Kiểm soát	123.500.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
Lý Thị Lệ Ninh Người lập	Hoàng Minh Đức Kế toán trưởng	Phạm Văn Hiệp Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Trần Văn Long	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Vương Hoàng Thăng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/12/2022
Ông Vũ Đình Đông	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12/10/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/04/2022
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Số: 100323.016/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam từ các năm trước lũy kế đến thời điểm 31/12/2022. Do trước đây khoản vay được đảm bảo bằng khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (Số dư tại 31/12/2022 là 96.856.865.496 đồng) nên Công ty đang đề nghị Ngân hàng miễn giảm tiền lãi cho Công ty. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, Chúng tôi không thể xác định được chi phí lãi vay thực tế Công ty cần ghi nhận trong năm và lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		494.809.518.537	504.553.196.961
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	49.559.553.529	65.377.018.191
111	1. Tiền		49.139.553.529	65.377.018.191
112	2. Các khoản tương đương tiền		420.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	79.620.250.000	131.250.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		24.980.781.305	24.980.781.305
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.960.531.305)	(1.730.781.305)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		67.600.000.000	108.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		281.642.950.351	240.391.934.718
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	287.472.101.586	375.265.278.236
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	41.038.226.973	8.104.906.563
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	24.500.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	92.291.552.847	20.265.190.113
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(163.658.931.055)	(163.243.440.194)
140	IV. Hàng tồn kho	10	78.334.716.380	62.912.786.461
141	1. Hàng tồn kho		79.425.551.773	65.475.023.002
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.090.835.393)	(2.562.236.541)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.652.048.277	4.621.457.591
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		276.407.937	481.790.744
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.620.519.071	3.860.395.140
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	755.121.269	279.271.707
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		287.560.549.566	310.202.069.415
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.600.000.000	12.337.313.205
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.600.000.000	12.337.313.205
220	II. Tài sản cố định		52.604.006.901	54.419.332.128
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	39.950.171.588	26.256.326.584
222	- Nguyên giá		66.011.794.686	48.774.932.407
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.061.623.098)	(22.518.605.823)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	12.653.835.313	28.163.005.544
228	- Nguyên giá		14.667.395.364	29.812.029.564
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.013.560.051)	(1.649.024.020)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	-	-
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.545.622.940)	(17.545.622.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.618.870.763	14.763.083.616
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		302.569.348	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	6.316.301.415	14.763.083.616
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	184.855.673.597	184.855.673.597
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.313.045.976)	(4.313.045.976)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		41.881.998.305	43.826.666.869
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	41.881.998.305	43.826.666.869
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		782.370.068.103	814.755.266.376

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		272.852.934.254	315.044.768.597
310	I. Nợ ngắn hạn		259.721.029.110	300.280.900.918
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	51.468.158.389	146.398.374.289
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	10.291.947.626	6.439.874.790
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	742.602.375	350.555.449
314	4. Phải trả người lao động		3.008.378.020	3.076.085.221
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	291.076.370	114.777.925
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		654.866.539	957.792.478
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	21.473.893.026	3.257.429.966
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	169.242.953.744	136.414.248.835
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.547.153.021	3.271.761.965
330	II. Nợ dài hạn		13.131.905.144	14.763.867.679
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	-	465.840.195
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	13.131.905.144	14.298.027.484
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		509.517.133.849	499.710.497.779
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	509.517.133.849	499.710.497.779
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.920.978.074	18.920.978.074
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		77.218.682.224	69.517.163.125
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước</i>		37.970.143.125	15.630.349.710
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		39.248.539.099	53.886.813.415
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		26.991.473.551	24.886.356.580
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		782.370.068.103	814.755.266.376


Lý Thị Lệ Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngPhạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.035.664.113.241	840.278.711.386
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.035.664.113.241	840.278.711.386
11	4. Giá vốn hàng bán	25	981.653.650.177	804.688.897.307
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.010.463.064	35.589.814.079
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	68.813.903.695	71.022.585.838
22	7. Chi phí tài chính	27	19.617.159.935	7.332.351.879
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.318.391.080	5.266.762.479
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	28	41.322.591.832	37.352.475.005
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	31.143.788.075	31.399.295.717
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.740.826.917	30.528.277.316
31	12. Thu nhập khác	30	12.109.845.023	24.426.243.962
32	13. Chi phí khác	31	229.573.318	759.890.150
40	14. Lợi nhuận khác		11.880.271.705	23.666.353.812
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.621.098.622	54.194.631.128
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	1.267.442.552	102.308.398
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		41.353.656.070	54.092.322.730
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		39.248.539.099	53.886.813.415
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.105.116.971	205.509.315
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.016	1.395


Lý Thị Lệ Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngPhạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.621.098.622	54.194.631.128
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.907.553.306	4.905.318.694
03	- Các khoản dự phòng		10.173.839.713	1.873.294.697
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.523.146)	26.290.260
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(69.669.640.465)	(71.113.436.802)
06	- Chi phí lãi vay		8.318.391.080	5.266.762.479
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.658.280.890)	(4.847.139.544)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.017.497.413)	(175.489.250.864)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(14.253.098.119)	3.919.320.325
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(74.015.214.404)	90.177.994.129
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.557.194.020	6.278.671.415
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	(24.980.781.305)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.212.138.459)	(5.236.895.642)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.007.025.293)	(192.492.363)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.224.608.944)	(4.962.638.058)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(112.830.669.502)	(115.333.211.907)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.197.222.727)	(14.953.960.408)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.309.616.196	280.545.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(82.100.000.000)	(135.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		98.000.000.000	225.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		69.856.989.100	72.943.198.197
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		91.869.382.569	148.269.783.244
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		864.848.641.734	557.258.503.279
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(833.186.059.165)	(550.630.806.441)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(26.528.283.444)	(39.528.100.180)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.134.299.125	(32.900.403.342)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.826.987.808)	36.167.995

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		65.377.018.191	65.341.113.376
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.523.146	(263.180)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>49.559.553.529</u>	<u>65.377.018.191</u>



Lý Thị Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 214 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 203 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(1)	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần MACHINO Thành Đạt (2)	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại

(1) Tuy Công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

(2) Ngày 09/09/2022, Hội VND quản trị Công ty Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0111/QĐ/MTB-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH MACHINO Thành Đạt và cử Người đại diện quản lý phần góp vốn tại Công ty này. Vốn điều lệ Công ty TNHH MACHINO Thành Đạt là 55.000.000.000 VND, vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2022 là 28.050.000.000 VND

Ngày 31/03/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0034/QĐ/MTB-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn. Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty đang thực hiện các thủ tục giải thể.

- Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty liên kết, xem tại thuyết minh số 04.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30	năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 08 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Công ty dự kiến phân bổ toàn bộ giá trị lợi thế vị trí địa lý này trước thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo đúng quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính Phủ.
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ mua cho cán bộ nhân viên được Công ty phân bổ theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với Công ty bảo hiểm theo từng cấp độ nhân viên.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 05 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí quản lý... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	555.989.913	2.165.964.980
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.302.105.616	63.211.053.211
Tiền đang chuyển	281.458.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	420.000.000	-
	<u><u>49.559.553.529</u></u>	<u><u>65.377.018.191</u></u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 420.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng TMCP Công thương với lãi suất 5,4%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	67.600.000.000	-	108.000.000.000	-
	<u><u>67.600.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>108.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 67.600.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,4%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 465.000 cổ phiếu TCB được Công ty đầu tư với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Giá trị đầu tư là 24.980.781.305 VND, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại thời điểm 31/12/2022 với giá trị là 12.020.250.000 VND, giá trị dự phòng khoản đầu tư này là 12.960.531.305 VND.

c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Máy thiết bị dầu khí Miền Bắc Việt Nam với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 34,58%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 1.447.257.429 VND. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm là 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(841.102.790)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.455.943.186)	3.621.000.000	(1.455.943.186)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	189.168.719.573	(4.313.045.976)	189.168.719.573	(4.313.045.976)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dừa
- Công ty TNHH FCC Việt Nam (1)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki (1)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,00%	8,00%	Xây lắp
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (2)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

(1) Theo Nghị quyết số 149/NQ/MTB-HĐQT và Nghị quyết số 150/NQ/MTB-HĐQT ngày 23/12/2022, Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki và tại Công ty TNHH FCC Việt Nam.

(2) Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	191.823.749	-	191.823.749	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	191.823.749	-	191.823.749	-
<i>Bên khác</i>	287.280.277.837	(163.635.446.055)	375.073.454.487	(163.219.955.194)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa Chất	-	-	49.063.586.321	-
Công ty Cổ phần Nhôm Việt Pháp Shal	35.468.304.225	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	121.327.453.956	(33.150.926.399)	195.525.348.510	(32.735.435.538)
	<u>287.472.101.586</u>	<u>(163.635.446.055)</u>	<u>375.265.278.236</u>	<u>(163.219.955.194)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	50.000.000	-	50.000.000	-
<i>Bên khác</i>	40.988.226.973	(23.485.000)	8.054.906.563	(23.485.000)
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	-	963.600.000	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	2.340.000.000	-	2.926.200.000	-
Công ty CP Contech Group	3.649.514.696	-	2.503.511.634	-
Công ty TNHH TM và DV XNK QD Việt Nam	19.514.183.040	-	-	-
Công ty CP Senka International	7.939.106.801	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	6.581.822.436	(23.485.000)	1.661.594.929	(23.485.000)
	<u>41.038.226.973</u>	<u>(23.485.000)</u>	<u>8.104.906.563</u>	<u>(23.485.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ông Đỗ Chí Lệ	-	-	24.500.000.000	-	24.500.000.000	-
	-	-	24.500.000.000	-	24.500.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản cho vay ngắn hạn:

- Hợp đồng vay tiền số 0612/HĐVT/2022 ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa Ông Đỗ Chí Lệ và Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt;
- Số tiền cho vay: 30 tỷ đồng, số tiền vay thực tế đến 31/12/2022 là 24,5 tỷ đồng;
- Thời hạn cho vay: Kể từ ngày 06/12/2022 đến ngày 31/03/2023 và bên vay không được gia hạn thời hạn vay;
- Mục đích cho vay: hoàn thành, quyết toán và chuyển đổi chủ đầu tư nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt không chôn lấp tại xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang sang Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt;
- Lãi suất cho vay: 10% tính từ ngày nhận tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	893.578.958	-	2.245.909.589	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	5.544.171	-
Tạm ứng (1)	59.907.910.635	-	16.356.064.327	-
Ký cược, ký quỹ	149.316.529	-	375.752.983	-
Công ty Cổ phần thương mại đầu tư Đông Đô (2)	16.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (3)	15.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	340.746.725	-	1.281.919.043	-
	<u>92.291.552.847</u>	<u>-</u>	<u>20.265.190.113</u>	<u>-</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	35.200.000.000	-	9.000.000.000	-
Ông Phạm Văn Hiệp	14.550.000.000	-	3.000.000.000	-
Ông Phan Trung Nghĩa	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Ông Chu Thành Nam	17.650.000.000	-	-	-
Ông Lê Ngọc Dũng	-	-	3.000.000.000	-
Bên khác	57.091.552.847	-	11.265.190.113	-
Công ty cổ phần Thương mại đầu tư Đông Đô (2)	16.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (3)	15.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi	-	-	1.101.028.382	-
Phải thu tạm ứng khác	26.091.552.847	-	10.164.161.731	-
	<u>92.291.552.847</u>	<u>-</u>	<u>20.265.190.113</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	-	-	10.277.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.460.313.205	-
Phải thu khác	600.000.000	-	600.000.000	-
	<u>1.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>12.337.313.205</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Ông Nguyễn Văn Trung	-	-	10.240.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	600.000.000	-	600.000.000	-
Tạm ứng và các khoản phải thu khác	1.000.000.000	-	1.497.313.205	-
	<u>1.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>12.337.313.205</u>	<u>-</u>

(1) Khoản tạm ứng chủ yếu cho ban lãnh đạo Công ty phục vụ triển khai các hoạt động kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư bất động sản của Công ty mẹ.

(2) Hợp đồng hợp tác số 2812/2022/HĐHT ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông đô ("Đông Đô") về việc cùng nhau hợp tác để nghiên cứu, triển khai và phát triển các dự án đầu tư (bất động sản, cụm.khu công nghiệp, xử lý rác thải...) tại các tỉnh phía bắc, trong đó tập trung như tỉnh Thái Bình, Nam Định. Theo hợp đồng này, Công ty tạm ứng cho Đông Đô để tiến hành triển khai các công việc như đã thống nhất với số tiền 16 tỷ đồng. Hợp đồng được thực hiện dự kiến trong 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trường hợp gia hạn thời gian hợp tác, các bên sẽ bàn bạc, thống nhất bằng các phụ lục hợp đồng.

(3) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 561/2021/HĐNT ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Licogi 13 (Bên A), Công ty (Bên B) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla (Bên C) về việc hợp tác đầu tư dự án khu dân cư sinh thái chất lượng cao Cam Phú - Thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa;

Phương thức hợp tác: Các bên thành lập Liên danh để đấu thầu làm Chủ đầu tư Dự án dân cư sinh thái chất lượng cao Cam Phú phù hợp với quy định của pháp luật, theo đó tỷ lệ đóng góp của mỗi bên như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla: 40% Tổng chi phí;
- Công ty Cổ phần Licogi 13: 30% Tổng chi phí;
- Công ty: 30% Tổng chi phí.

Chi phí cho đến khi Liên danh nhận được Quyết định Chủ đầu tư Dự án thực tế sẽ được các bên thống nhất, xác nhận bằng văn bản phân bổ cho các thành viên liên danh theo tỷ lệ quy định.

Số dư tại ngày 31/12/2022 là khoản tạm ứng theo tiến độ hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng ⁽¹⁾	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar ⁽²⁾	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Các khoản khác	32.235.492.275	8.949.253.603	24.691.829.778	2.701.081.967
	170.787.102.691	147.500.864.019	163.243.440.194	141.252.692.383

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

Thông tin về một số khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 VND. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này tuy nhiên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 VND. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, để đảm bảo thận trọng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	528.645.328	-	540.844.401	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.097.634.067	-	15.824.604.786	-
Thành phẩm	210.010.020	-	-	-
Hàng hoá	62.589.262.358	(1.090.835.393)	49.109.573.815	(2.562.236.541)
	79.425.551.773	(1.090.835.393)	65.475.023.002	(2.562.236.541)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	13.862.321.694
- Dự án mở rộng Trung tâm bán hàng Đà Nẵng	-	13.862.321.694
Sửa chữa lớn tài sản cố định	6.316.301.415	900.761.922
- Cải tạo văn phòng số 08 Tràng Thi - Hà Nội ⁽¹⁾	6.316.301.415	900.761.922
	<u><u>6.316.301.415</u></u>	<u><u>14.763.083.616</u></u>

Tên dự án:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;
- Mục đích xây dựng: Cải tạo, sửa chữa khu 4 tầng (nhà B) để chuyển văn phòng làm việc của Công ty;
- Địa điểm xây dựng: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn SXKD của Công ty;
- Tổng mức đầu tư: 14.828.200.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: 150 ngày kể từ ngày khởi công;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2022: Đang thực hiện quyết toán và dự kiến hoàn thành trong Quý I/2023.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	38.765.602.975	1.726.055.308	6.961.518.105	1.321.756.019	-	48.774.932.407
- Mua trong năm	-	-	-	47.909.091	161.200.000	209.109.091
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.241.207.198	3.786.545.990	-	-	-	17.027.753.188
Số dư cuối năm	52.006.810.173	5.512.601.298	6.961.518.105	1.369.665.110	161.200.000	66.011.794.686
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	14.895.840.815	745.602.045	6.120.709.558	756.453.405	-	22.518.605.823
- Khấu hao trong năm	2.675.148.146	523.475.498	186.623.376	125.270.254	32.500.001	3.543.017.275
Số dư cuối năm	17.570.988.961	1.269.077.543	6.307.332.934	881.723.659	32.500.001	26.061.623.098
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	23.869.762.160	980.453.263	840.808.547	565.302.614	-	26.256.326.584
Tại ngày cuối năm	34.435.821.212	4.243.523.755	654.185.171	487.941.451	128.699.999	39.950.171.588

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 29.946.837.825 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.438.382.457 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	29.200.784.564	611.245.000	29.812.029.564
- Thanh lý, nhượng bán	(15.144.634.200)	-	(15.144.634.200)
Số dư cuối năm	14.056.150.364	611.245.000	14.667.395.364
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.054.211.287	594.812.733	1.649.024.020
- Khấu hao trong năm	351.403.764	13.132.267	364.536.031
Số dư cuối năm	1.405.615.051	607.945.000	2.013.560.051
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	28.146.573.277	16.432.267	28.163.005.544
Tại ngày cuối năm	12.650.535.313	3.300.000	12.653.835.313

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 547.965.000 VND.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m², sử dụng làm mặt bằng kinh doanh, thời hạn 50 năm kể từ ngày 13/01/2009;
- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m², sử dụng làm văn phòng Công ty, thời hạn 50 năm kể từ ngày 12/01/2009.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là 23.600 m² đất tại Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	697.846.015	33.830.043
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa ⁽¹⁾	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê đất ⁽²⁾	1.290.000.000	1.590.000.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	9.073.732.067	12.854.588.658
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.277.486.302	805.314.247
	<u>41.881.998.305</u>	<u>43.826.666.869</u>

⁽¹⁾ Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 08 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Công ty dự kiến phân bổ toàn bộ giá trị lợi thế vị trí địa lý này trước thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo đúng quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính Phủ.

⁽²⁾ Thuê đất theo Hợp đồng thuê đất tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daesco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Đến thời điểm 31/12/2022, đây là số tiền còn lại trả trước cho 05 năm tiếp theo từ năm 2022 đến hết năm 2026.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	trả nợ	VND	nợ
		VND		VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty cổ phần Đại Kim	-	-	11.774.400.000	11.774.400.000
Công ty cổ phần đầu tư TDG	-	-	16.424.300.254	16.424.300.254
Công ty TNHH xây dựng TM&DV Bình An	-	-	26.773.821.624	26.773.821.624
Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	-	-	23.879.558.508	23.879.558.508
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	15.886.856.700	15.886.856.700	-	-
Công ty TNHH Công nghiệp Delta	7.999.071.420	7.999.071.420	-	-
Công ty Cổ phần Cơ điện EME	5.579.394.840	5.579.394.840	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Hoàng Gia	5.197.557.812	5.197.557.812	-	-
Phải trả các đối tượng khác	16.805.277.617	16.805.277.617	67.546.293.903	67.546.293.903
	<u>51.468.158.389</u>	<u>51.468.158.389</u>	<u>146.398.374.289</u>	<u>146.398.374.289</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp TLT	2.650.112.850	-
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.044.488.827	-
- Các đối tượng khác	5.587.545.949	5.430.074.790
	<u>10.291.947.626</u>	<u>6.439.874.790</u>

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	8.802.196.007	9.137.847.607	440.943.022	105.291.422
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	87.282.958	87.282.958	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	143.847.491	44.978.940	1.267.442.552	1.007.025.293	143.847.491	305.396.199
Thuế Thu nhập cá nhân	424.216	263.350.818	2.701.408.379	2.706.063.567	35.330.756	293.602.170
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000	-	4.663.334.929	4.663.334.929	135.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	42.225.691	639.441.920	643.355.027	-	38.312.584
	<u>279.271.707</u>	<u>350.555.449</u>	<u>18.161.106.745</u>	<u>18.244.909.381</u>	<u>755.121.269</u>	<u>742.602.375</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	196.076.370	89.823.749
- Chi phí phải trả khác	95.000.000	24.954.176
	<u>291.076.370</u>	<u>114.777.925</u>

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	168.990.018	233.355.176
- Bảo hiểm xã hội	27.521.600	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	17.678.460.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.449.589.571	2.930.853.015
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	149.331.837	73.221.775
	<u>21.473.893.026</u>	<u>3.257.429.966</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	465.840.195
	<u>-</u>	<u>465.840.195</u>

(*) Trong đó bao gồm 17.600.000.000 VND nhận khoản đặt cọc của Công ty TNHH Thương mại Hung Việt TP Inmex liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp 10% giá trị dự án Nam An Khánh theo hợp đồng đặt cọc số 2011/HĐĐC/PVMACHINO-HV. Đến thời điểm 31/12/2022, các bên đang trong quá trình làm việc liên quan đến thực hiện hợp đồng này.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	133.000.798.835	133.000.798.835	862.920.614.074	829.586.009.165	166.335.403.744	166.335.403.744
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (1)	43.886.978.000	43.886.978.000	-	20.623.548.491	23.263.429.509	23.263.429.509
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (2)	51.735.299.996	51.735.299.996	599.217.293.292	598.814.193.288	52.138.400.000	52.138.400.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công	14.552.188.310	14.552.188.310	58.446.385.936	72.998.574.246	-	-
- Ngân hàng TMCP BIDV CN Hai Bà Trưng (3)	22.826.332.529	22.826.332.529	162.597.499.537	119.911.391.219	65.512.440.847	65.512.440.847
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (4)	-	-	22.923.193.388	-	22.923.193.388	22.923.193.388
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Đông Đô	-	-	16.437.702.606	16.437.702.606	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng (5)	-	-	3.298.539.315	800.599.315	2.497.940.000	2.497.940.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.413.450.000	3.413.450.000	2.907.550.000	3.413.450.000	2.907.550.000	2.907.550.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (6)	2.913.450.000	2.913.450.000	2.907.550.000	2.913.450.000	2.907.550.000	2.907.550.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
	<u>136.414.248.835</u>	<u>136.414.248.835</u>	<u>865.828.164.074</u>	<u>832.999.459.165</u>	<u>169.242.953.744</u>	<u>169.242.953.744</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (6)	17.036.477.484	17.036.477.484	1.928.027.660	2.925.050.000	16.039.455.144	16.039.455.144
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Đà Nẵng	675.000.000	675.000.000	-	675.000.000	-	-
	<u>17.711.477.484</u>	<u>17.711.477.484</u>	<u>1.928.027.660</u>	<u>3.600.050.000</u>	<u>16.039.455.144</u>	<u>16.039.455.144</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	<u>(3.413.450.000)</u>	<u>(3.413.450.000)</u>	<u>(2.907.550.000)</u>	<u>(3.413.450.000)</u>	<u>(2.907.550.000)</u>	<u>(2.907.550.000)</u>
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>14.298.027.484</u>	<u>14.298.027.484</u>			<u>13.131.905.144</u>	<u>13.131.905.144</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022 (VND)
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam						23.263.429.509
	Số 26/TDHM-NH/TD11	250.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Không quá 06 tháng và hiện nay khoản vay này đã quá hạn thanh toán.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.	23.263.429.509
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng						52.138.400.000
	Số 08/2021/VCB-KHDN	70.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, phục vụ hoạt động kinh doanh và hoạt động sửa chữa bảo dưỡng ô tô Mitsubishi của khách hàng nhưng không bao gồm các nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.	52.138.400.000
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng						65.512.440.847
	Hợp đồng số 01/2022/339/HĐTĐ	120.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, tại thời điểm 31/12/2022 là 9%/năm	Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ được xác định theo từng HĐTD cụ thể.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay tại thời điểm 31/12/2022: mua phôi nhôm hợp kim trong nước	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.	65.512.440.847
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm						22.923.193.388
	Các hợp đồng tín dụng	Quy định theo từng hợp đồng tín dụng	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, tại thời điểm 31/12/2022 là 8%/năm	Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ được xác định theo từng HĐTD cụ thể.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay tại thời điểm 30/6/2022: mua phôi nhôm hợp kim trong nước	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.	22.923.193.388

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng					2.497.940.000	
	Hợp đồng tín dụng số 4575160.22	30.000.000.000	Lãi suất theo thông báo của bên vay từng thời kỳ, được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được cố định trong suốt thời gian vay vốn	Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này	Đầu tư xe ô tô của hãng Mitsubishi để phục vụ hoạt động chạy thử theo chương trình của hãng Mitsubishi Việt Nam;	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và đã đăng ký giao dịch bảo đảm.	2.497.940.000

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2022 (VND)
6	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng						16.039.455.144
	Các hợp đồng tín dụng	Quy định theo từng hợp đồng tín dụng	lãi suất theo thông báo của Bên cho vay trong từng thời kỳ, được ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được cố định trong suốt thời gian vay vốn;	36 - 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	16.039.455.144

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	18.920.978.074	60.812.198.796	25.595.482.480	491.714.659.350
Lãi trong năm trước	-	-	53.886.813.415	205.509.315	54.092.322.730
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	(45.111.494.322)	-	(45.111.494.322)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	(70.354.764)	(914.635.215)	(984.989.979)
Số dư cuối năm trước	<u>386.386.000.000</u>	<u>18.920.978.074</u>	<u>69.517.163.125</u>	<u>24.886.356.580</u>	<u>499.710.497.779</u>
Số dư đầu kỳ này	386.386.000.000	18.920.978.074	69.517.163.125	24.886.356.580	499.710.497.779
Lãi trong năm này	-	-	39.248.539.099	2.105.116.971	41.353.656.070
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	(31.547.020.000)	-	(31.547.020.000)
Số dư cuối năm này	<u>386.386.000.000</u>	<u>18.920.978.074</u>	<u>77.218.682.224</u>	<u>26.991.473.551</u>	<u>509.517.133.849</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 0041/NQ/MTB-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Cộng
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.500.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	27.047.020.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Anh Thu	16,91%	65.351.000.000	16,91%	65.351.000.000
Bà Lê Thị Kiều Vân	18,12%	70.000.000.000	18,12%	70.000.000.000
Các cổ đông khác	64,97%	251.035.000.000	64,97%	251.035.000.000
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	2.930.853.015	2.976.689.195
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	27.047.020.000	39.482.264.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(26.528.283.444)	(39.528.100.180)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(26.528.283.444)	(39.528.100.180)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	3.449.589.571	2.930.853.015

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.920.978.074	18.920.978.074
	18.920.978.074	18.920.978.074

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty mẹ đang sử dụng diện tích đất 1.202,5 m² tại số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và 23.600 m² đất tại thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh, làm trụ sở văn phòng và đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất số 36/HĐTĐ ngày 13/06/2017 tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên - Huế với diện tích 5.372 m² để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daesco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Công ty đã trả trước tiền thuê đất cho thời hạn 10 năm với số tiền 3 tỷ đồng.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 10 Nguyễn Phúc, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 15.366 m² có thời hạn đến ngày 30/01/2052 với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng đang sử dụng diện tích đất 3.241,6 m² tại địa chỉ Phường Hiệp Hòa, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh và đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	22.772,57	2.947,58

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
	65.193.021.617	65.193.021.617

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	986.319.158.909	783.775.589.738
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.415.027.480	39.905.455.803
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.929.926.852	16.597.665.845
	<u><u>1.035.664.113.241</u></u>	<u><u>840.278.711.386</u></u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	953.663.752.585	762.135.055.921
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.677.867.764	27.023.637.095
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	2.783.430.976	15.575.302.342
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.471.401.148)	(45.098.051)
	<u><u>981.653.650.177</u></u>	<u><u>804.688.897.307</u></u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

Tổng giá trị mua vào:	<u><u>-</u></u>	<u><u>150.000.000</u></u>
-----------------------	-----------------	---------------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.470.302.218	12.014.351.952
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.034.356.251	58.818.539.395
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	166.270.291
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	9.523.146	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	299.722.080	23.424.200
	68.813.903.695	71.022.585.838

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.318.391.080	5.266.762.479
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	68.253.000	249.202.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	26.290.260
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	11.229.750.000	1.754.719.061
Chi phí tài chính khác	765.855	35.377.620
	19.617.159.935	7.332.351.879

Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.233.532	31.394.198
Chi phí nhân công	11.530.568.477	9.149.780.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.263.224.679	893.429.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.248.084.289	6.920.544.888
Chi phí khác bằng tiền	22.164.480.855	20.357.326.128
	41.322.591.832	37.352.475.005

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.112.382.420	435.101.431
Chi phí nhân công	15.696.243.804	14.535.231.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	537.918.325	293.710.283
Thuế, phí, lệ phí	82.884.965	23.364.617
Chi phí dự phòng	415.490.861	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.021.240.142	12.108.594.376
Lợi thế thương mại	50.000.000	2.065.181.464
Chi phí khác bằng tiền	6.227.627.558	1.938.112.462
	31.143.788.075	31.399.295.717

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**30 . THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.164.981.996	280.545.455
Tiền phạt thu được	99.623.214	-
Xử lý tài chính nợ phải trả không phải trả	-	10.900.022.502
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	10.806.640.177	13.085.618.346
Thu nhập khác	38.599.636	160.057.659
	<u><u>12.109.845.023</u></u>	<u><u>24.426.243.962</u></u>

31 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	227.088.069	740.443.920
Chi phí khác	2.485.249	19.446.230
	<u><u>229.573.318</u></u>	<u><u>759.890.150</u></u>

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	232.996.399	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Máy thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	1.021.654.780	102.308.398
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Machino Thành Đạt	12.791.373	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u><u>1.267.442.552</u></u>	<u><u>102.308.398</u></u>

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	39.248.539.099	53.886.813.415
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.248.539.099	53.886.813.415
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.638.600	38.638.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>1.016</u></u>	<u><u>1.395</u></u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, chiếm hơn 90% doanh thu hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 29.

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư ngắn hạn	12.020.250.000	-	-	12.020.250.000
	<u>12.020.250.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.020.250.000</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư ngắn hạn	23.250.000.000	-	-	23.250.000.000
	<u>23.250.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.250.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.559.553.529	-	-	49.559.553.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	216.128.208.378	1.600.000.000	-	217.728.208.378
Các khoản cho vay	92.100.000.000	-	-	92.100.000.000
	<u>357.787.761.907</u>	<u>1.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>359.387.761.907</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.377.018.191	-	-	65.377.018.191
Phải thu khách hàng, phải thu khác	232.310.513.155	12.337.313.205	-	244.647.826.360
Các khoản cho vay	108.000.000.000	-	-	108.000.000.000
	<u>405.687.531.346</u>	<u>12.337.313.205</u>	<u>-</u>	<u>418.024.844.551</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	169.242.953.744	13.131.905.144	-	182.374.858.888
Phải trả người bán, phải trả khác	72.942.051.415	-	-	72.942.051.415
Chi phí phải trả	291.076.370	-	-	291.076.370
	<u>242.476.081.529</u>	<u>13.131.905.144</u>	<u>-</u>	<u>255.607.986.673</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	135.750.688.835	14.961.587.484	-	150.712.276.319
Phải trả người bán, phải trả khác	149.655.804.255	465.840.195	-	150.121.644.450
Chi phí phải trả	114.777.925	-	-	114.777.925
	<u>285.521.271.015</u>	<u>15.427.427.679</u>	<u>-</u>	<u>300.948.698.694</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT
Các thành viên HĐQT trưởng và ban kiểm soát	Điều hành Công ty Điều hành Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		-	150.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	-	150.000.000
Các khoản vay		-	8.655.165.990
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	-	8.655.165.990
Chi phí lãi vay		-	24.449.406
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	-	24.449.406

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn		43.404.242	44.744.996
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT	43.404.242	44.744.996

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị			
Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT		483.000.000	122.000.000
Trần Văn Long - Ủy viên HĐQT		246.500.000	44.000.000
Vũ Đình Đông - Ủy viên HĐQT		127.333.333	44.000.000
Nguyễn Minh Tuấn - Ủy viên HĐQT		636.186.490	701.062.057
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác			
Phạm Văn Hiệp - Tổng Giám đốc		1.169.336.900	893.327.512
Lê Ngọc Sơn - Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)		-	330.501.887
Lê Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc		201.376.400	688.303.341
Phan Trung Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc		639.697.100	692.765.838
Nguyễn Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc		639.697.100	52.333.287
Chu Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc		639.572.100	30.000.000
Trương Văn Thục - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/05/2021)		-	355.305.962
Phan Xuân Thắng - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/04/2021)		-	285.047.712
Hoàng Minh Đức - Kế toán trưởng		584.771.800	643.627.349

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của Ban kiểm soát		
Lê Thị Kiều Vân- Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27/04/2021)	221.500.000	38.000.000
Lý Thu Vân- Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)	-	284.206.762
Phạm thị Hải An - Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27/04/2021)	137.500.000	26.000.000
Hà Thị Thanh Hậu - Thành viên Ban kiểm soát	123.500.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 căn cứ lịch trả nợ thực tế của các khoản vay. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	cáo tài chính hợp nhất năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất					
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	135.750.688.835	136.414.248.835	663.560.000	(*)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14.961.587.484	14.298.027.484	(663.560.000)	(*)

(*) Phân loại lại khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo lịch trả nợ thực tế

		
Lý Thị Lệ Ninh Người lập	Hoàng Minh Đức Kế toán trưởng	Phạm Văn Hiệp Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Số: **0 0 2 9**/MTB-HĐQT

Hà nội, ngày **24** tháng **3** năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán;


Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000
II	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC đã kiểm toán năm 2022 của Công ty mẹ (=2.1 + 2.2)	100.433.959.788
2.1	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2021	63.169.190.239
2.2	LNST chưa phân phối năm 2022	37.264.769.549
III	Trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2022	31.547.020.000
3.1	Quỹ khen thưởng	500.000.000
3.2	Quỹ phúc lợi	2.500.000.000
3.3	Quỹ thưởng Ban điều hành	1.500.000.000
3.4	Chi trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 7%)	27.047.020.000
IV	Lợi nhuận năm 2022 còn lại sau khi trích lập các quỹ (=2.2 - III)	5.717.749.549
V	Lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi trích lập các quỹ (= II - III)	68.886.939.788

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Đức Tiến

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2022
và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ cơ cấu HĐQT và BKS được ĐHĐCĐ phê chuẩn;

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2023;

Căn cứ yêu cầu về công tác quản trị và giám sát trong năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả năm 2023 như sau:

1. Về việc chi thù lao năm 2022

Căn cứ Nghị quyết số 0041/NQ/MTB-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn mức chi thù lao kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022 là 2% lợi nhuận sau thuế và không thấp hơn 1,1 tỷ đồng.

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua quyết toán thù lao năm 2022 cho HĐQT và Ban Kiểm soát kiêm nhiệm như sau:

- Thù lao đã chi cho Thành viên Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị: 735.515.151 đồng.

- Thù lao đã chi cho Ban kiểm soát: 342.000.000 đồng.

Tổng thù lao đã chi: 1.077.515.151 đồng.

2. Kế hoạch chi thù lao năm 2023

Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn mức chi thù lao kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023 là 2,5% lợi nhuận sau thuế và không thấp hơn 1,1 tỷ đồng.

Mức phân bổ cụ thể cho từng thành viên sẽ giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Đức Tiên

Số: **009** Q/MTB - BKS

Hà Nội, ngày **24** tháng **3** năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ:

Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Luật chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ v/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Để thực hiện Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xin đề xuất với Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Phương án lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm 2023 như sau:

1. Đơn vị kiểm toán độc lập được Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí lựa chọn phải nằm trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Cơ quan Quản lý nhà nước liên quan chấp thuận;

2. Là đơn vị Kiểm toán có uy tín, có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí yêu cầu.

Với các tiêu chí trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí như sau:



1. Thông qua việc lựa chọn một trong ba Công ty Kiểm toán độc lập được thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2023 bao gồm các Công ty:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong ba Công ty nêu trên để kiểm toán Báo cáo Tài chính, bãi miễn Kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Lưu VT, BKS, 

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lê Thị Kiều Vân

Số: **0 0 3 1**/MTB-HDQT

Hà Nội, ngày **24** tháng **3** năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngày 23/3/2023 của ông Trần Văn Long;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí trình Đại hội đồng cổ đông về công tác nhân sự trong Hội đồng quản trị Công ty như sau:

1. Chấp thuận miễn nhiệm ông **Trần Văn Long** - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí thôi làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí vì lý do cá nhân kể từ ngày 01/4/2023 (*Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Trần Văn Long kèm theo*).

2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT là: 01 người.

- Nhiệm kỳ thành viên bổ sung HĐQT: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT được tập hợp từ những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện và đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Đức Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Họ và tên: **Trần Văn Long**

CCCD số: 001076017461, Ngày cấp 31/8/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1901, Nhà B4 Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Ngày 27/4/2021, tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty tín nhiệm bầu vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

Trong suốt quá trình đảm nhận chức vụ được giao, tôi luôn nỗ lực hết mình hoàn thành chức trách, nhiệm vụ; đảm bảo quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Nay vì lý do cá nhân, tôi không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Do vậy, bằng văn bản này, tôi xin kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty xem xét, chấp thuận cho tôi được từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 1/4/2023.

Tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Công ty ngày càng phát triển và tiếp tục đạt được thành công trong thời gian tới.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Người làm đơn

Trần Văn Long

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

QUY ĐỊNH

Về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019;
Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật chứng khoán ban hành ngày 31/12/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị
áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

I. MỤC TIÊU

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.
- Đảm bảo tính tập trung, hiệu quả của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.

II. QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025.

Điều 1. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

1.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 01 thành viên HĐQT.

1.2. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 2. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT

- Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây được gọi là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử/đề cử hợp lệ theo quy định.

Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đề cử ứng viên, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 3. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào thành viên HĐQT

3.1 Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào HĐQT bao gồm:

- Đơn ứng cử hoặc đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh;
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn) - nếu có;

- Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

3.2 Hồ sơ ứng cử, đề cử phải được gửi tới Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí theo địa chỉ sau:

- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (ông Trương Việt Nghĩa - Thư ký Hội đồng quản trị).
- Địa chỉ: Số 8 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: 024.38260344 Ext.123 DTDD: 0818.257.257
- Fax: 024.38254050
- Email: truongvietnghia@pvmachino.vn
- Ngoài phong bì cần ghi rõ **“Hồ sơ ứng cử/đề cử vào HĐQT”**

Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại ĐHCĐ.

III. LỰA CHỌN CÁC ỨNG CỬ VIÊN

Dựa trên các Đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí sẽ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trên cơ sở đó, tất cả các ứng viên tự ứng cử hoặc đề cử có hồ sơ hợp lệ, gửi đúng hạn, đảm bảo đủ các tiêu chuẩn cho chức danh theo đúng quy định này, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ sẽ được đưa vào danh sách ứng viên để bầu bổ sung vào HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVMACHINO;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Vũ Đức Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ NHIỆM KỲ 2020-2025

Kính gửi: Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Tôi tên là:

CMND số: Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần
(Bằng chữ.....)

Chiếm:.....% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Căn cứ Quy định về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí và quy định của pháp luật hiện hành; tôi thấy đủ điều kiện ứng cử thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Đề nghị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí cho tôi được ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Tôi cam kết đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị của Công ty và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

Tôi xin gửi kèm Sơ yếu lý lịch theo đơn này.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngàythángnăm 2023

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ảnh 4 x 6

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BẦU BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

- Họ và tên:..... Giới tính:.....
- Ngày sinh: tháng năm Nơi sinh:.....
- Quốc tịch:
- Số CMND (Hộ chiếu): ngày cấp:..... nơi cấp:.....
- Địa chỉ thường trú:
- Địa chỉ liên lạc:.....
- Điện thoại:
- Trình độ văn hóa:..... Trình độ chuyên môn:.....
- Quá trình công tác (Từ năm 18 tuổi đến nay, làm gì, ở đâu):

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Trách nhiệm chính

10. Chức vụ hiện nay đang nắm tại các Công ty/tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty/tổ chức liên quan):

11. Trình độ học vấn:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì

12. Có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí; là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty.

- Có:

- Không:

13. Về quan hệ gia đình: (Bao gồm vợ; chồng; cha, mẹ ruột; cha, mẹ nuôi; con ruột; con nuôi; anh, chị, em ruột).

Họ tên	Quan hệ	Ngày sinh	Địa chỉ

14. Hành vi vi phạm pháp luật:

15. Lợi ích có liên quan đến tới Công ty và các bên liên quan của Công ty:

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý về các thông tin cá nhân được công bố;

- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí và các quy định của pháp luật hiện hành;

- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi cam đoan những lời khai nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm 2023

**Xác nhận của tổ chức được đại diện/
Cơ quan công tác**

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG

ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHIỆM KỲ 2020-2025 CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Hôm nay, ngày.... tháng ... năm 2023, tại....., địa chỉ....., chúng tôi là nhóm cổ đông của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí cùng nhau nắm giữ cổ phần phổ thông, chiếm% số cổ phần phổ thông.

Chúng tôi thống nhất đề cử người có tên dưới đây để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí nhiệm kỳ 2020 - 2025 như sau:

STT	Họ tên ứng cử viên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/Hộ chiếu

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử Ông (Bà): CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:..... Địa chỉ thường trú:.....

làm Người đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các yêu cầu của Công ty.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày...../...../2023.

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

Kèm CMTND/Hộ chiếu (công chứng)
của các thành viên trong nhóm và người đại diện.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD, ngày và nơi cấp.	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu			Ký xác nhận
				Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
1		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
2		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
3		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
4		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
5		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
6		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
7		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
8		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
9		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
	Tổng						

Hà Nội, ngày **24** tháng **3** năm 2023

QUY CHẾ BẦU CỬ
Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019;
Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ban hành ngày 31/12/2020;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Quy chế này quy định việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị (“HDQT”) nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (“Công ty”) như sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- 1.1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc bầu cử bổ sung Thành viên HDQT của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- 1.2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 15/3/2023) và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty.

- 2.1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội đều được nhận 01 (một) phiếu Bầu cử HĐQT. Trên phiếu ghi rõ tên cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu và số phiếu bầu tương ứng được sử dụng để bầu cử.
- 2.2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban kiểm phiếu và bầu cử, Đoàn chủ tịch Đại hội.

CHƯƠNG II

BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Điều 3. Lựa chọn các ứng cử viên, số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung.

Dựa trên các đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Đoàn Chủ tịch sẽ tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và đề cử đáp ứng đủ điều kiện quy định để thông qua tại Đại hội.

Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty là **01 thành viên HĐQT**.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử.

Việc bầu cử thành viên HĐQT được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.

Điều 5. Người có quyền bầu cử.

Người có quyền bầu cử tại ĐHĐCĐ là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền dự họp (theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 15/3/2023) có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty.

Điều 6. Hình thức và phương thức bầu cử.

- 6.1. Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT của Công ty sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
- 6.2. Sau khi Đại hội thông qua danh sách các ứng cử viên bầu thành viên HĐQT và thông qua các thủ tục bầu cử, mỗi đại biểu tham dự Đại hội sẽ

được Ban tổ chức phát cho 01 (một) phiếu bầu thành viên HĐQT. Đại biểu có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải báo ngay cho Ban tổ chức Đại hội.

- 6.3. Trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC, số cổ phần sở hữu, số phiếu bầu, có đóng dấu treo của Công ty.
- 6.4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bầu chọn ứng cử viên nào thì ghi số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 (một) ứng viên.
- 6.5. Khi tiến hành bầu cử, cổ đông tự điền vào phiếu bầu cử của mình số quyền biểu quyết cho 01 ứng viên cần bầu mà mình tín nhiệm sao cho tổng số phiếu bầu cho ứng viên tối đa bằng tổng hoặc không lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông có.

Vi dụ:

Cổ đông có: 100 (CP) x 01 (TV HĐQT được bầu) = 100 phiếu bầu (Công ty ghi sẵn số cổ phần sở hữu của cổ đông nhân với số lượng TV HĐQT được bầu);

Cổ đông có thể dồn hết 100 phiếu bầu cử trên cho một (01) ứng viên hoặc có thể bầu với một số lượng phiếu bầu khác nhưng tối đa không quá 100 phiếu bầu.

Điều 7. Tổ chức và giám sát bầu cử.

7.1. Bầu cử và kiểm phiếu.

- a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban kiểm phiếu và bầu cử thay mặt cho ĐHĐCĐ thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;
- b. Ban kiểm phiếu và bầu cử gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Đoàn chủ tịch;
- c. Thành viên Ban kiểm phiếu và bầu cử không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT và không được là người có liên quan đến ứng cử viên đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật;

7.2. Ban kiểm phiếu và bầu cử phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

7.3. Ban kiểm phiếu và bầu cử có nhiệm vụ:

- a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT;
- b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;
- c. Phát và thu phiếu bầu cử;
- d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;

- e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước ĐHĐCD;
- f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban Thư ký Đại hội;
- g. Cùng Đoàn chủ tịch Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để ĐHĐCD quyết định;
- h. Và các nhiệm vụ liên quan khác;
- i. Ban kiểm phiếu và bầu cử chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCD về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 8. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

8.1. Phiếu bầu.

- a. Phiếu bầu do Công ty phát hành, được in thống nhất, có đóng dấu treo của Công ty, có số thứ tự cố định, tổng số cổ phần sở hữu, tổng số phiếu bầu;
- b. Cổ đông/dại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu thành viên HĐQT theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu và bầu cử để đổi phiếu bầu khác.

8.2. Phiếu hợp lệ khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a. Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCD thông qua;
- b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);
- c. Là phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- d. Phiếu bầu cử không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa;

8.3. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải là phiếu do Ban tổ chức phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty;
- b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
- c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành

bỏ phiếu;

- d. Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó;
- e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông hoặc phiếu không do cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký;
- f. Phiếu bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng cần bầu;
- g. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào;
- h. Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu và bầu cử sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

Điều 9. Bỏ phiếu và kiểm phiếu.

- a. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- b. Ban kiểm phiếu và bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- c. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu và bầu cử giám sát;
- d. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu và bầu cử tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu và bầu cử phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban kiểm phiếu và bầu cử không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 10. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử.

- 10.1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu hợp lệ cao nhất.
- 10.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì người nào sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu cùng bằng nhau hoặc tất cả các ứng viên đó không phải là cổ đông của Công ty thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để lựa chọn.

Điều 11. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu.

- 11.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu và bầu cử phải lập Biên bản kiểm phiếu.
- 11.2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
- b. Thành phần Ban Kiểm phiếu;
- c. Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
- d. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền tại thời điểm bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu bầu đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu bầu hợp lệ và số phiếu bầu không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;
- e. Kết quả bầu cử;
- f. Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và bầu cử.

11.3. Toàn văn biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 12. Quyền chất vấn.

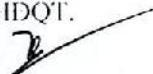
Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Đoàn chủ tịch Đại hội và Ban kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông/đại diện cổ đông và được ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Điều 13. Hiệu lực của Quy chế.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và chỉ áp dụng cho việc ứng cử, đề cử và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Đức Tiến

Số: /NQ/MTB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí ngày 20/4/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên 2022.

ĐHĐCĐ chấp thuận việc HĐQT tiếp tục triển khai các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/12/2022 trong năm 2023. HĐQT báo cáo kết quả việc thực hiện các công việc tại ĐHĐCĐ gần nhất theo thẩm quyền quy định.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023

2.1. Kết quả kinh doanh năm 2022:

STT	Nội dung	TH 2022		
		KH	TH	% so KH
1	Tổng doanh thu	1.200,00	1.116,59	93%
	Trong đó Công ty mẹ	635,00	445,43	70%
2	Lợi nhuận trước thuế	60,00	42,62	71%
	Trong đó Công ty mẹ	55,00	37,50	68%
3	Lợi nhuận sau thuế	59,00	41,35	70%
	Trong đó Công ty mẹ	55,00	37,26	68%



2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2023

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.500,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	784,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	65,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	57,50
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	61,20
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	55,00

Nhiệm vụ trọng tâm:

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai lĩnh vực thương mại dịch vụ, phân phối cụ thể:
 - + Giữ vững và triển khai tích cực việc cung cấp vật tư, thiết bị cho các nhà máy điện, dự án, công trình dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, các đơn vị thành viên và các nhà máy điện khác.
 - + Đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, trong đó tập trung làm tốt các mặt hàng đã khai thác được như gạo, ure, nông sản... song song với đó tích cực tìm kiếm thêm các mặt khác, thị trường tiềm năng khác phù hợp với lĩnh vực Công ty đã và đang thực hiện.
 - + Tổ chức đấu thầu các dự án đầu tư đã tiếp cận, triển khai danh mục các dự án đã khai thác theo nguyên tắc từng phần, từng dự án, phân chia giai đoạn hợp lý đảm bảo ưu tiên đủ nguồn lực về vốn, về nhân lực.
- Thu xếp, cân đối đủ vốn cho hoạt động đầu tư và kinh doanh, lập và triển khai các phương án thoái vốn, tái cơ cấu các khoản đầu tư tại các đơn vị thành viên, liên kết.
- Tiếp tục công tác thu hồi nợ, thu hồi vốn các dự án, hợp đồng.

3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2022.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

- Báo cáo tài chính của Công ty mẹ năm 2022.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000
II	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty mẹ (=2.1 + 2.2)	100.433.959.788
2.1	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2021	63.169.190.239

2.2	LNST chưa phân phối năm 2022	37.264.769.549
III	Trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2022	31.547.020.000
3.1	Quỹ khen thưởng	500.000.000
3.2	Quỹ phúc lợi	2.500.000.000
3.3	Quỹ thưởng Ban điều hành	1.500.000.000
3.4	Chi trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 7%)	27.047.020.000
IV	Lợi nhuận năm 2022 còn lại sau khi trích lập các quỹ và chi trả cổ tức (=2.2 - III)	5.717.749.549
V	Lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi trích lập các quỹ và chi trả cổ tức (= II - III)	68.886.939.788

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.

6. Danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:

- Lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.
- Bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính.

7. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

7.1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát kiêm nhiệm năm 2022:

- Thù lao đã chi của Thành viên HĐQT và thư ký HĐQT là: 735.515.151 đồng.
- Thù lao đã chi của Ban kiểm soát: 342.000.000 đồng.

7.2. Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát kiêm nhiệm năm 2023:

Mức chi thù lao kiêm nhiệm cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022 là 2,5% lợi nhuận sau thuế và không thấp hơn 1,1 tỷ đồng.

Mức phân bổ cụ thể cho từng thành viên giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty.

8. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí đối với ông **Trần Văn Long** theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 01/4/2023.



9. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí nhiệm kỳ 2020-2025:

- Ông/bà - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí giao cho Hội đồng quản trị công ty, Ban kiểm soát, Ban điều hành căn cứ vào các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông PVMACHINO;
- TV HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, HĐQT.

Vũ Đức Tiến